Juillet 42

梅嶺修書局醫藥叢書
Mai-Lĩnh tu thư cục Y-dược tùng-thư

越南藥學

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

TẬP THỨ TƯ

10 cây thuốc chữa 100 chứng bệnh

PHÓ ĐỨC-THÀNH
Trong bộ biên-tập hội Y-học Trung-kỳ

(In lần thứ hai)

EFEO
Hà-Nội
N° 28122

Mai-Lĩnh xuất-bản

1804 (1)

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

i-Linh tu thư' cục

ta muốn cho trình-độ trí-thức ngày một
lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách
huật về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để
có thể đọc được ; vì chữ quốc-ngữ ngày
ổ-thông trong dân gian nhiều lắm.
c-đích ấy nên chúng tôi liên-tiếp xuất-
g sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác,
ảo về các vấn-đề văn-học, triết học, sử-
c, khoa-học v. v...
ay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm
ưng ban như sau này :

Văn-học d) **Y-học**
Sử-học e) **Phổ-thông**
Triết-học f) **Giáo-dục**

n chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc
văn có tiếng trông nom.

những sách do bộ biên-tập của chúng
chúng tôi rất hoan-nghênh những tác-
ngoài gửi đến.

hi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được
sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền
t.

à in được đầy đủ những loại sách trên
g-phu và tốn kém không phải là việc của
i làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-
chúng tôi rất mong ở lòng sốt-sắng của
sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cổ-
chiếu-cố giúp cho.

Tirage 3000 ex.
Hanoï le 24/7/42
Mai Linh

梅嶺修書司醫學叢書

Mai-Lĩnh tu thư cục Y-học tùng-thư

越南藥學

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

TẬP THỨ TƯ

10 cây thuốc chữa 100 chứng bệnh

PHÓ ĐỨC-THÀNH

Trong bộ biên-tập hội Y-học Trung-kỳ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 28122

Mai-Lĩnh xuất-bản

160 Indoch
~~I 484~~ 1804

Mai-Linh tu thư cục

Nước ta muốn cho trình-độ trí-thức ngày một cao hơn, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách về học - thuật về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để ai ai cũng có thể đọc được ; vì chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ-thông trong dân gian nhiều lắm.

Vì mục-đích ấy nên chúng tôi liên-tiếp xuất-bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác, bàn và khảo về các vấn-đề văn-học, triết học, sử-học, y-học, khoa-học v. v...

Hiện nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm chia ra từng ban như sau này :

a) Văn - học
b) Sử-học
c) Triết-học
d) Y - học
e) Phổ-thông
f) Giáo-dục

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc một nhà văn có tiếng trông nom.

Ngoài những sách do bộ biên-tập của chúng tôi soạn, chúng tôi rất hoan-nghênh những tác-phẩm ở ngoài gửi đến.

Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được chúng tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền nhuận-bút.

Soạn và in được đầy đủ những loại sách trên rất là công-phu và tốn kém không phải là việc của một người làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-hộ. Vì vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt-sắng của đồng-bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cổ-động và chiếu-cố giúp cho.

Việt-nam dược-học

Mai-Lĩnh xuất bản

Bảng kê các cây thuốc

1 Bưởi
2 Bưởi bung
3 Cam
4 Chanh
5 Chấp, chỉ-thực
6 Phật thủ
7 Quýt, thanh-bì
8 Quất
9 Quýt rừng
10 Thanh-yên

Bảng kê chứng-bệnh

1 Ách - nghịch
2 Ăn rồi hay đầy bụng
3 Ẩu thổ
4 Bán thân bất toại
5 Bôn đồn khí thống
6 Bội thực
7 Bụng đau
8 Bụng đầy
9 Bụng đau kinh niên
10 Bụng lớn da vàng
11 Cảm mạo
12 Cai nha phiến
13 Cam tẩu mã
14 Có thai đau bụng
15 Có thai thèm chua
16 Cổ họng sưng đau
17 Cước khí
18 Chân tê mỏi
19 Da bụng dày
20 Dạ-dày sưng
21 Đại-tiện bí
22 Đại - trường bế - tắc
23 Đau đầu rắn
24 Đầu đau
25 Đầu phong
26 Đầy hơi

27 Đầy tức ở ngực
28 Đinh độc
29 Đinh râu
30 Đẻ khó
31 Đẻ ruột ra
32 Đờm nhiều ủng-tắc
33 Hao hóng
34 Ho gió
35 Ho kinh-niên
36 Ho nhiều đờm
37 Hoắc-loạn
38 Hóc xương
39 Họng đau như dùi đâm
40 Hưng-cách đầy tức
41 Kinh-phong
42 Khát nước.
43 Liêm-sang
44 Lở kẹt chân
44 Lở láy
46 Lưng đau
47 Lưỡi tưa nứt
48 Lỵ
49 Lỵ trắng hay đỏ
50 Lỵ lâu ngày
51 Lỵ thoát-giang
52 Mắt đau có màng
53 Mộng-tinh
54 Môi khô nứt
55 Mụn trứng-cá
56 Mụn-bọc
57 Mụn mạch-lươi
58 Mụn Vú
59 Ngộ độc
60 Ngược-mậu
61 Phiên-Vị
62 Phong nhức
63 Phong thũng
64 Phù thũng
65 Rắn cắn
66 Răng đau
67 Say rượu
68 Sản hậu đau Bụng
69 Sản hậu khí nghịch
70 Sản hậu phù thũng
71 Sản hậu sưng Vú
72 Sản hậu tiện bế
73 Sán-khí
74 Sâu quảng
75 Sâu răng
76 Sốt rét
77 Suyễn
78 Tả
79 Tai chảy máu
80 Tai chảy nước
81 Tia sữa

82 Tích báng
83 Tích tụ
84 Tiểu-tiện bí
85 Toét mắt
86 Tựn-hiên ăn nghẹn
87 Tự-nhiên mất tiếng
88 Trẻ con bí đại-tiện
89 Trẻ con ho gà
90 Trẻ con ho gió
91 Trẻ - con lở chảy nước vàng
92 Trẻ-con thối tai
93 Trĩ
94 Trúng-phong
95 Trúng thực
96 Trường - phong hạ huyết
97 Ứ huyết
98 Vết bị thương
99 Xốn ruột
100 Yết-hầu

Mấy điều cần biết.

1) Các cây thuốc Nam ở đây phải nhận kỹ hình-sắc và công dụng của nó. Tên các cây, mỗi nơi gọi một khác không thể biết hết, kể hết được, ở đây tóm tắt những tên thông-thường nhiều nơi đã biết. Muốn cho các cây sau này được thông-dụng khắp nơi, xin độc-giả các nơi làm ơn cho chúng tôi biết thêm các tên ở nơi ấy gọi là gì để kỳ tái-bản thêm vào cho đủ.

2) Muốn dùng các cây thuốc này cho khỏi lầm và đích-đáng, cần phải nhận kỹ các chứng bệnh cho rõ-ràng, bệnh nào thuốc ấy. Độc-giả thấy các cây này ở vùng các ngài còn dùng chữa được thêm chứng bệnh gì rất công-hiệu, mách cho chúng tôi để điền vào sau, cho được thập-phần chu-đáo.

3) Vì thuốc Nam thuốc Bắc không có trường, không có nhà thương, không có phòng phân-chất, phòng thí-nghiệm, các cây thuốc chỉ bằng ở lời nói kinh-nghiệm, nên cũng chưa lấy gì làm nhất-

định ; và lại mỗi người kinh-nghiệm một cây lại bí-truyền, không ai mách ai, nên các vị thuốc lại càng không được mười phần chắc-chắn. Những cây nói ở trong bộ sách này cũng nhờ ở sự kinh-nghiệm mà có giá-trị. Vả lại có giá-trị thêm, nếu sau này sách tái-bản mỗi lần, có nhiều sự kinh-nghiệm của độc-giả gửi về mà điền-bổ vào.

4) Trong trên dưới 100 bệnh này cũng có bệnh có nhiều cách chữa, nhưng không ở trong 10 cây này thì không chép đến.

5) Uống thuốc phải từ từ nghe-ngóng xem sao, cấp vội có khi nguy mà bài thuốc hay cũng không biết rằng hay. Nếu có bệnh mà dùng bài thuốc nào ở trong sách này một hai thang không bớt, nên uống thêm một hai thang nữa, thấy bớt dần nên uống tiếp cho đến khi khỏi. Thuốc bôi ngoài, một lần không thấy khỏi, lại bôi thêm bốn năm lần, kiến-hiệu hay không sẽ định-liệu. Thấy người này mách thuốc này, kẻ kia bày thuốc kia, mà vội thay đổi đã không khỏi lại càng thêm nguy, thêm hại.

6) *Dùng thuốc đã khỏi có uống thêm chỉ nên uống một thang nữa mà thôi.*

7) *Thuốc sao, sau khi được rồi phải đổ ra đất sạch cho hỏa-khí bốc đi.*

8) *Khi sắc thuốc phải sạch-sẽ, cẩn-thận, lọc trong.*

9) *Ở bảng « giải chữ nho » chữ nào đã giải ở các cuốn trước xin miễn giải ở cuốn sau.*

10) *In hết 12 tập này sẽ có một cuốn « Việt-Nam lương-phương » giải các chứng bệnh và các bài thuốc có giá-trị (các bài thuốc nầy lựa chọn đích - đáng ở trong bộ Việt-Nam dược-học và có thêm các bài có nhiều vị chưa tiện in ra trước đây). Cuốn sách nầy lại có một tập Tự-điển giải hết các chữ nho ở bộ Việt-Nam dược-học để tiện cho người mới xem sách thuốc.*

11). — *Bộ nầy là bộ sơ-khảo ; mỗi tập chỉ mới có 10 cây, mà giầy chỉ được trên dưới 100 trang ; nên những cây có bổ-ích có thể khảo-cứu được kỹ hơn, phải giảng đến vài chục trang giấy, không tiện in vào tập nầy, sẽ in riêng ra từng tập khác cho được kỹ hơn.*

Cây bưởi
1/4
1/2
ĐUCTHAO

Cây bưởi

HƯƠNG TRỤC 香柚 THU LOAN 朱欒

Citrus Decumana. Lin.

Thổ-sản.— Nước ta về các miền thôn-quê, nơi nào người ta cũng trồng nhiều.

Hình - sắc.— Cây thuộc về loài Mộc. cao đến 4. 5 thước tây; hình như cây Cam mà lớn hơn, xung - quanh cây và cảnh có nhiều gai nhỏ mà dài, ngoài vỏ cây thường nổi mụn như mụn cóc, tục gọi « nẩy Bưởi », người ta thường dùng làm thuốc hương; lá như lá cam, nhưng lớn và dài hơn, gần cuống lá, thắt lại hình như cái lá lớn, lá nhỏ tiếp nhau;

lá dầy cứng, cạnh trơn, sắc xanh láng. Về mùa xuân có hoa trắng, nhĩ vàng, hoa có 5 cánh, lớn hơn hoa Cam. Hoa rụng kết quả ,quả to gần bằng cái Đầu người.

Bưởi có nhiều giống: 1) *Thanh-trà* ở Huế, hình tròn múi to, vỏ mỏng.

1)**Bưởi đường**.—(Hương-sơn) (Hà-tĩnh) quả dài, múi nhỏ, vỏ dầy.

2) **Bưởi chua**.— quả hơi tròn.

3) **Bưởi hồng**.— (Bưởi-sơn) quả tròn đẹp, lúc non sắc cũng xanh, lúc chin sắc đỏ-hồng.

4) **Bưởi đào**.— Múi đỏ, mu trong cũng đỏ.

Vỏ ngoài có một chất dầu the rất thơm

Tính chất.— Quả vị chua hay ngọt tùy từng thứ, tính mát mẻ, khi hàn ; lá và vỏ, vị cay đắng, đều không độc.

Chủ trị.— Quả chuyên chữa về Dạ dầy và Đại-Tiểu - trường, Lá-gan. Chữa các chứng nhiệt, độc. Tiêu Cơm, giã Rượu,

chữa chứng khát nước chứng lạt Miệng, hoặc hít phải hơi độc, thông lợi Đại-Tiểu-tiện ; trị bệnh nhiệt-uất,

Hoa.— Tiêu đờm, tiêu tich, chữa bệnh ho-hen ; hoa cất lấy nước hỏa với đầu-Vừng, làm nước hoa, chải tóc rất hảo-nhảng, thơm-tho ; thoa vảo Thân-thể làm cho được nhẹ-nhảng.

Lá.— Chuyên chữa phong hản ngoại-cảm, đau Đầu, nhức Mắt, Thân thể tê mỏi, và trừ các loài sang-độc.

Vỏ-quả.— Chuyên chữa về khi-phận, giúp sức tiêu-hóa cho Tỳ, Vị và chữa phong-hản trong Lá phổi, chứng ách-tức, đau Ngực, đầy Bụng, ho-hen nhiều đờm, bệnh thấp, bệnh thũng, bệnh cổ-trướng, bệnh ẩu-nghịch.

Vỏ bưởi đào. — Thông Huyết-mạch, chữa Đản bà sản-hậu ho-hen, phủ-thũng, ăn uống không tiêu, ức-huyết, tê bại, đờm suyễn, ho tức.

Phân - lượng.— Dùng từ 1 đồng rưỡi đến 3 đồng.

Cấm - dụng.— Những người hàn không nên ăn nhiều.

Bào - chế.— Dùng vỏ phải lấy vỏ ngoài phơi khô, thái nhỏ sao Rượu.

Hợp - dụng.— *Lá.* Hợp với lá Cam chữa phong-hàn ngoại-cảm ; hợp với Hành-tăm, chữa Đầu-phong đau nhức ; hợp với Kinh-giới chữa các chứng phong-sang.

Hoa.— Hợp với hoa Cam làm thuốc ho-hen ; hợp với Trần-bì làm thuốc tiêu đờm ; hợp với Mộc-hương làm thuốc tiêu tích ; hợp với Tam - lăng, Nga truật chữa bệnh huyết-tích.

∴

Cát bối

Cây bưởi bung

Cây bưởi bung

CÁT BỐI 吉貝

Glycosmis cochinchinensis. Piene.

Các tên khác.— Cây Bài - bái, cây Cam - rượu.

Thổ - sản.— Ở các nơi Rừng núi, các bờ rào, nơi đất hoang, thường thấy có.

Hình-sắc.— Thân cây thuộc về loài Mộc, cây cao độ một thước Tây, lá nhỏ, sắc lục, ở nơi đất tốt, cao đến 2, 3 thước Tây, lá to sắc xanh - đậm. Cây giống cây Bưởi, cũng có gai, lá cũng hơi giống lá Bưởi, vỏ ra có mùi thơm như Bưởi, nhưng nhẹ mát hơn. Tháng Giêng, tháng Hai có hoa, hoa như hoa Bưởi, từng chùm

một mả nhỏ; quả như quả Quất, to hơn hột Ngô, khi chin sắc trong - bóng hồng-hồng, như cúc Mã - não; rễ như rễ Bưởi.

Tính-chất.— Tính nóng hay tiêu-tán. khi ấm, vị hơi đắng.

Chủ trị.— Chuyên chữa các chứng phong thấp, hàn - thấp, Chân-tay tê - mỏi, đờm-huyết ngừng - trệ, bán-thân bất-toại, mỏi Gối, tê Lưng, cơn sốt - rét, ăn-uống không tiêu, bệnh thủy - thũng, Da vàng, Tiện bế; Đàn-bà sản-hậu, ứ huyết, sốt rét đau Đầu, Chân - tay sưng-thũng, Trẻ-con đơn-độc, lở-chốc; lại chữa Rắn cắn, mụn ma bắn.

Phân lượng.— Dùng từ 2 đồng đến 4 đồng.

Cấm - dụng.— Những người Khi nhiệt, Huyết khô, không nên dùng.

Tốt xấu.— Cây nào mọc ở những chỗ nào mà không bị cây-cối gì che, có ánh sáng mặt-trời là tốt.

Bào - chế.— Chữa đơn-độc, sang-đinh, dùng bằng lá để sống, chữa sản hậu và chứng tê-bại, dùng bằng rễ tẩm rượu, sao vàng; làm thuốc cơn, thuốc tiêu, dùng cả cây. cả rễ, lá, vỏ, hoa sao vàng hạ thổ.

Hợp - dụng.— Hợp với Ty-giải (kim-cương) Thổ-phục-linh (rệ khúc-khắc) trừ các chứng phong-hàn, tê-bại; hợp với Thảo-quả. (Tỏ-ho) Binh-lang (Cau rừng) Sài-hồ (Cỏ-sơn) Cam-thảo, trừ các chứng sốt-rét; hợp với Hương-phụ (Củ-Gấu) Mộc-hương (vỏ bùi-tia), Trần-bì (vỏ Quít) Cam-phao, (vỏ Bưởi-đào) trừ các bệnh phủ-thũng; hợp với Sơn-phong-diệp (lá-Bảng) Mã tiên-thảo (cỏ Roi-ngựa) trừ các chứng sản-hậu; hợp với Ngân - hoa, Kinh - giới, trừ các chứng đơn-độc.

Khảo - chứng.— Ở Tạp - chí « Revue médicale française d'Extrême-Orient số ... Ngày ..... có đăng một bài nói về công-dụng của ba vị thuốc Nam, chữa chứng mụn lở-loét lâu ngày không ra da non; trong 3 vị này có cây Bưởi-bung.

Đại-ý bài ấy nói rằng :

Ở nhà thương Sơn - tây, có người làm ở sở Kiểm-lâm bị bệnh mọc mụn ở Bẹn (Háng) đã lâu, thối - loét, ăn sâu vào đến xương, nhà - thương chữa đủ phép, đủ thuốc không thấy lành được chút nào, mà người thi cứ gầy-ốm, nguy kịch lắm. Nhà thương phải cho ra, tưởng ra rồi cũng đến chết, không hy-vọng sống được.

Chẳng ngờ cách hơn một tháng, người bệnh ấy có việc lại đến nhà - thương. Quan chánh nhà-thương tên là Scyberlich trông thấy liền hỏi : vì sao lại được mau lành mạnh như thế và ngài xem lại chỗ mụn thi thấy khỏi hẳn, còn cái sẹo thi đã liền Da.

Người làm sở Kiểm-lâm trả lời : « Thưa Ngài, tôi nhờ được bà Lang Sáu chữa cho chỉ trong một tháng thi khỏi hẳn, mà tiền thuốc thi không tốn bao nhiêu. »

Hôm sau quan Chánh cho người đi tìm bà Sáu và bà nầy cũng vui lòng truyền cho bài thuốc như sau :

Một nắm lá Bưởi - bung, một nắm lá Thổ-phục linh (lá Ba-xống) và một nắm lá ổi. Ba vị rửa sạch, thái nhỏ, lấy lá Chuối non, hơ nóng cho mềm, gói thuốc lại, to nhỏ tùy chỗ mụn, mặt nào định đắp vào mụn thì phải dùng kim châm ra nhiều lỗ cho nước thuốc dễ thấm vào và hơi thuốc rút hết độc ra.

Cứ bỏ 3 vị thuốc nầy trong một thời-gian thì khỏi hẳn.

Nhà - thương đem môn thuốc nầy về thi-nghiệm thì thấy kiến-hiệu, mới lấy các cây thuốc nói trên về trồng ở xung-quanh nhà-thương để tiện khi dùng.

Ông Chánh Nhà-thương đã công-nhận 3 cây thuốc ấy có công - hiệu chữa mụn rất hay.

. • .

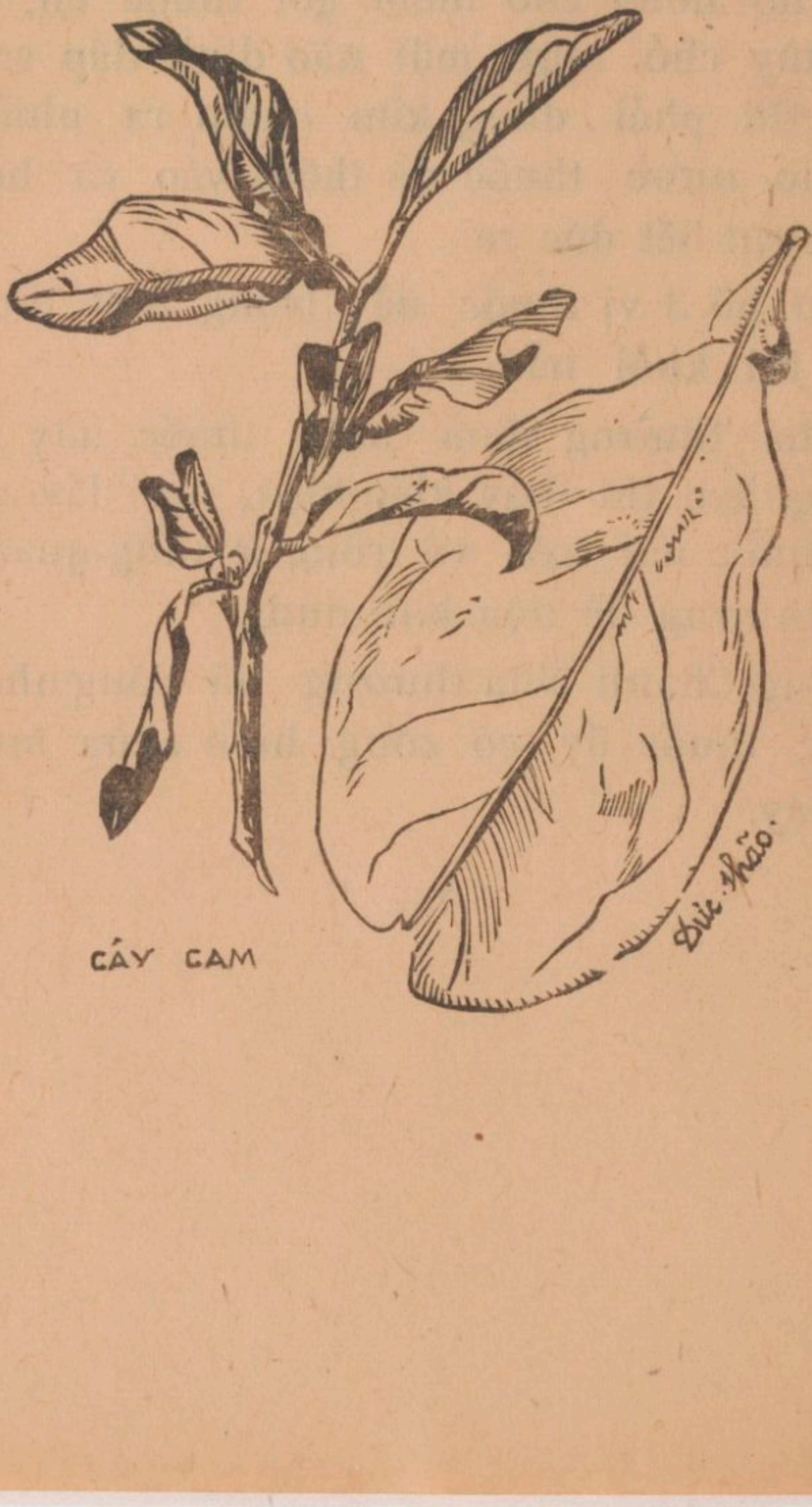

CÁY CAM

Cây cam 柑

Citrus nobilis var.

Thổ-sản.— Ở các thôn-quê, đồn-điền, các trại, người ta trồng nhiều.

Cam có tiếng là Cam ở Xã-đoài (Vinh) Cam-đường Thanh-hóa (Trung-kỳ), Cam Bố-hạ ở Bắc-giang (Bắc-kỳ).

Cam có nhiều thứ không thể kể xiết. Đây không phải là bài khảo-cứu kỹ về Cam, nên chỉ nói công-dụng chung của phần nhiều thứ về việc thuốc.

Đặt tên là cam 柑, vì Cam phần nhiều có chất ngọt.

Hình - sắc.-- Cây thuộc loài Mộc, cao độ 1 thước đến 3 thước Tây, cây mạnh-mẽ, nhiều cành, nhiều lá, nhiều gai, lá bầu-dục dày cứng, sắc xanh lục, cạnh tròn, mọc so - le, mùa xuân có hoa, sắc trắng, hoa có năm cánh. Quả tùy thứ mà hình khác nhau, ngoài sù-si hay trơn cũng tùy giống, trong ruột có nhiều múi.

Thứ Cam ăn ngọt tục gọi là Cam-đường : có thứ quả tròn, hình đẹp, gọi là Cam-bầu ; có thứ hình tròn mà cao, ngoài da nhăn, sắc vàng, gọi là Cam-chanh ; có thứ tròn mà đẹp, vỏ da cóc, sắc đỏ, vàng, gọi là Cam sành ; có thứ vỏ mỏng, gọi là Cam giấy, (vỏ Cam-đường và Cam-giấy dùng làm thuốc, gọi là Quảng-bi 廣 皮).

Tính chất.— *Quả*. Tính mát mẻ, khi lạnh, vị ngọt hoặc chua. không có chất độc.

Vỏ và lá.— Vị the, mùi hăng.

Chủ trị.— *Quả :* Chuyên chữa về Dạ-dày và Đại-trường, trừ khí nóng, thêm chất mát, chữa bệnh nóng Ruột, bệnh khát nước, thông-lợi Đại-tiểu-tiện, giải các chất độc, chữa Đàn-bà khó sinh.

Vỏ quả.— Chữa bệnh thời-khí, bệnh thương-hàn, bệnh đờm, bệnh tích, bệnh ho-hen, chứng yết-hầu, tán các hơi lạnh, chữa hơi bốc lên, chữa say Rượu ; Đàn-bà sản-hậu sưng-thũng và chữa người bị hóc xương.

Lá.— Chữa phong-hàn ngoại-cảm, đau Đầu, sốt rét, hàn-thấp sinh thũng, Trẻ-con thối tai.

Phân-lượng.— Dùng từ 1 đồng đến 2 đồng.

Cấm-dụng.— Những người hàn không nên ăn nhiều.

Bào-chế.— Dùng lá thời thái nhỏ, nấu nước mà uống ; dùng quả thời ép lấy nước ; dùng vỏ, phải lấy vỏ chín phơi khô sao Rượu.

Hợp - dụng.— *Quả.* Hợp với Mật ong chữa bệnh tiêu-khát ; hợp với Rượu chữa Đản - bà khó sinh ; hợp với Muối trắng (bạch-diêm) lợi Tiểu-tiện.

Vỏ quả.— Hợp với vỏ Bưởi làm thuốc tiêu-tích ; hợp với Trần-bì chữa bệnh ho-đờm ; hợp với Ngả-voi, chữa bệnh hóc-xương ; hợp với Phèn - chua chữa bệnh yết-hầu ; hợp với vỏ Bưởi-đào, chữa sản-hậu sưng-thũng.

Lá.— Hợp với lá tre, Ngải-cứu, chữa phong-hàn ngoại - cảm ; hợp với lá Nhãn, Rễ Ngải - hương chữa phong - thấp sưng-thũng.

Khảo chứng.— Học - thuyết - Trung-quốc.— Ăn nhiều Cam lạnh Lá phổi, sinh đờm, lạnh lá-lách, sinh bệnh tích, bệnh tả, bệnh lỵ (Mã-chi).

Cây Cam cũng giống cây Quít, nhưng ít gai hơn, vỏ Cam so với vỏ Quít thì sắc vàng mà dày hơn, sớ to, mà vị không đắng lắm, ấy là cam với Quít khác nhau, thế mà người ta thường dùng lẫn nhau, phải xét cho rõ (Lý-Thời-Trân).

Vỏ Cam đem khi đi xuống, điều-hòa ở chỗ Trung-tiêu (Trần-Tảng-Khí).

Vỏ cam giải độc Rượu, chữa bệnh uống Rượu phát khát, bỏ mu trắng sao khô, nghiền nhỏ, gia ít Muối vào sắc uống. (Chư-gia-bản-thảo).

Học-thuyết Âu-Mỹ.— Lá Cam làm chè uống khỏi bệnh đau Đầu, nhức Đầu, bệnh ho và chứng ưu-uất của Đàn-bà.

Hoa.— Lấy toàn cánh hoa đem sấy khô, làm thuốc Trấn-kinh, chữa đau Đầu, đau Dạ-dày; dùng với lá Quit-hôi càng tăng hương-vị.

Vỏ quả.— Vỏ có chất đắng, mà thơm, nhưng không hăng-nồng bằng vỏ quit-hôi; uống vào rất tiêu.

Nước quả Cam cho người ốm uống hàng ngày cho đỡ khát. (Dr A. Héraud).

Dùng lá và hoa Cam làm chè uống, trước khi ăn cơm để chữa chứng Dạ-dày yếu; uống sau khi ăn cơm, dễ tiêu-

hóa, vả khỏi bệnh nhức Đầu. Lại là một thứ chè rất cần-thiết cho bệnh lỵ, bệnh thổ-tả. Nhưng những người bộ tiêu-hóa nóng không nên uống (J. Clément).

Cam có nhiều công-dụng, người xưa dùng Cam chữa bệnh cước-khi, vả bệnh sa-lâm. Vỏ nó dùng chữa sốt-rét ; hợp với các vị khác chữa bệnh thất-huyết và đau Dạ-dày. Nước hoa Cam chữa các chứng chuyển Gân và bệnh động-kinh.

Vỏ Cam có chất the vị đắng và một thứ dầu thơm.

Bác-sĩ Henri Leclerc nói : « Cam vị nước ngọt, hương thanh, vị ngọt, ít chua, bổ được Tỳ, Vị, nên cho là một món ăn quý trong các thứ quả.

Cam tuy ngọt mà chất đường vẫn ít, không đến 5%. ; nên những người bị chứng đi đái có chất đường (diabetiques) có thể ăn được.

Cam có nhiều chất sinh-tố (vitamine), nên rất có ích cho những người ăn uống kém, không đủ chất bổ và Trẻ-con ăn sữa

hộp ; cũng nhờ những chất ấy mà Cam có thể dùng để tránh được bệnh chậm-lớn, bệnh phù - thũng và bệnh cước-khi. Những người bị thương, người ốm và người giả nên ăn lắm.

Cam không bao giờ kiêng cả, trừ ra những người Tỳ, Vị yếu quá thời chỉ nên dùng Cam thật chin, vắt lấy nước uống.

Cũng như các thứ quả khác, Cam ăn ngoài bữa cơm, không làm hại Dạ - dày, mà trái lại làm cho Thân thể nhẹ nhàng thêm.

Cam làm thành mứt, ăn rất dễ tiêu, rất thích - hợp với người đau Gan hay đau Dạ - dày,

Vỏ Cam ngâm rượu, có chất tiêu và cũng chữa được bệnh Táo - Kiết ; lấy vỏ - Cam còn tươi nấu với nước trong nửa giờ, nước ấy đắng lắm hãy bỏ đi, lại lẫn vỏ Cam cho nước vào, nấu lại lần nữa, pha thêm chút đường cho đỡ đắng ; nấu

sôi độ nửa giờ thi được. Dùng vỏ một quả Cam đã chế sẵn như thế có thể làm một liều thuốc tiêu-nhuận (G. Rosenthat).

Vỏ Cam vào Dạ dày giúp sức cho Đởm-trấp dễ tiết ra, làm cho chóng tiêu-hóa, và dễ đi-sông.

Lá Cam sắc uống chữa các chứng ở Thần-kinh, chứng không ngủ và làm cho Tỳ, Vị tiêu-hóa dễ dàng.

Tóm lại Cam là một thứ quả mà mọi phần đều dùng làm thuốc được cả, công-hiệu nhiều, thật đáng quý.

(Dr François Neuville)

Mấy lời của Tác - giả

1) Trong hàng thuốc có vị Quảng - bi, các thầy thuốc vẫn thường cân, mà ở các Bản-thảo không thấy nói đến.

Đem vị Quảng-bi ra xét thời thấy vỏ mỏng mà thơm, đúng là vỏ quả Cam. Ta lấy vỏ Cam-giấy, nhất là vỏ Cam-đường ở Thanh-hóa thay cho vị Quảng - bi rất

thich-hợp. Những vỏ Cam nầy bên ta chỉ thấy quăng vất đi, thiệt là đáng tiếc.

Tôi còn nhớ khi ở Hồng-kông, Quảng-đông, thấy các nhà bán Cam thứ mỏng vỏ, họ bán hai thứ: một thứ họ đã bóc vỏ ra làm 4, 5 miếng, tách ra như hoa thị, nhưng vỏ và múi chưa rời hẳn ra, vẫn còn dính lại với nhau. Ai mua quả Cam như thế thi 2 xu một quả, họ lấy vỏ lại và đưa nguyên quả Cam bóc vỏ rồi cho mình. Vỏ ấy họ xâu vào một sợi dây treo la-liệt ở phía tường sau để phơi cho khô.

Làm như vậy, người Tàu mới có nhiều Quảng-bi gửi đi bán khắp nơi.

Còn một thứ khác thi họ để nguyên cả vỏ, ai mua thi họ bán một quả đắt hơn 1 xu.

Ta cũng nên bắt chước người Tàu cách ấy để tich-trữ vỏ Cam cho nhiều mà bán thay Quảng-bi Tàu.

2) Cam tính hàn thời giải được nhiệt trong bụng, nhưng lại có quả về mùa

Đông, là mùa rét-lạnh, thiệt là trái ngược với ý-muốn của người ta, vì vậy có nhiều người chỉ mong Tạo-hóa chuyển lại, cho Cam có quả về mùa Hè cho hợp-thời.

Thiển-ý tôi lại nghĩ khác.

Nếu Cam sinh về mùa nực tức là trời gieo cái họa đi tiết-tả, đi kiết-lỵ v. v. Vì sao ? Vì mùa Hè nóng-nực, Thân-thể ta tuy ngoài nóng bức, trong trái lại lạnh, bởi trong lạnh, ít nóng, nên bộ tiêu-hóa ít vận-động, vì vậy ăn uống vào ít tiêu, hay sinh bệnh đầy Bụng, đi ỉa, đi tả. Nếu trong Bụng đã lạnh mà ta lại ăn cho nhiều Cam cho sướng miệng, không hiểu rằng : vào trong Tỳ-Vị, chất Cam lạnh lại làm tăng thêm sức lạnh nữa, Bụng đã phải yếu và thành ra bệnh tiết-tả, chứng đầy Bụng là thế.

Cam sinh về mùa Đông, thật Tạo-hóa đã lo-liệu cho ta chu-đáo lắm rồi.

Mùa Đông, Thân-thể ta ngoài tuy lạnh rá, nhưng trong lại nóng ấm, xem những

lúc ta thở ra hơi nóng thi đủ rõ, vi có nhiều khi nóng ở trong, bộ tiêu-hóa làm việc hăng-hái, nên ăn chóng đói, khoan-khoái dễ chịu, không mệt nhọc như mùa Hè.

Trong bụng ta nóng, nhưng vi trời lạnh-rét, ta hay thích ăn đồ nóng như đồ rán, đồ xào. Đồ nóng tích-chứa trong dạ nóng; nóng gặp nóng, làm cho mực thăng-bằng của Thủy-hỏa mất đi, cũng thành bệnh, cho nên sinh bệnh Kiết-lỵ, bệnh táo. v. v.

Muốn trừ các bệnh ấy và giải nhiệt-độc, nên trời cho ta ăn Cam, vi Cam có công-dụng đích-đáng đã nói trên.

3) Có một người Đàn-bà tên là Thị-Thực ở tỉnh Ninh-bình, có mang gần đến tháng sinh, vi đội nặng cúi thấp quá, cái thai bị trụt xuống mà bức sinh, nhưng khó lòng quá phải đem ra nhà-thương Tri-chính (Phát-diệm) để nhờ quan Đốc-tơ cấp-cứu. Đến nơi, khi sinh xong thi đứa con đã chết rồi, mà người

mẹ thời huyết băng như tháo cống. Quan Đốc-tơ vừa cho uống thuốc vừa tiêm mà huyết vẫn băng không chỉ được, đến nỗi kiệt sức quá, đã phải đem xuống nhà xác đợi chết mà thôi.

Sau một đêm tại nhà xác, Thị-Thực lấy làm đau-đớn và quá sợ-hãi, nhưng chưa chết, sáng mai Thị xin quan Đốc về nhà điều-dưỡng, lúc này huyết băng ra ít hơn trước.

Quan Đốc nhận lời cho về và dặn rằng:

Một là phải giữ-gìn cho huyết đừng ra thêm nữa; nếu băng lần nữa thì không tài nào chữa được. Hai là, nếu vạn-nhất giữ được không băng nữa rồi khỏi, thì suốt đời vợ chồng không được giao-hợp với nhau, vì chỗ Tử-cung đã bị rách.

Thị về nhà được một lúc thì huyết lại băng ra rất nhiều hơn trước, mà cũng chẳng chết, nhưng bệnh-tình trầm-trọng, huyết cứ lâm-ly ra mãi. Nhà nghèo, bệnh nặng, cũng chẳng trông-cậy vào thuốc-men chi nữa, đến nỗi dần dần biến sinh

ra các chứng nóng-nảy phiền-khát. Hễ hơi ngửi thấy mùi ăn uống gì là nôn-oẹ ngay, không ăn uống gì được, chỉ còn đợi chết là xong.

Nhân hôm đó có người bà con đến hỏi thăm, đưa đến cho mấy quả Cam, còn ương chưa chín hẳn. Bệnh-nhân nói không ra tiếng, vì sức đã kiệt quá, nhưng ra dấu-hiệu tỏ ý muốn ăn Cam, người nhà cho ăn. Trước thì còn ăn từng múi một, lấy làm ngon-lành, khoan-khoái quá, lại tỏ dấu còn thèm, ăn đến 3 quả Cam nữa một lúc cũng cứ còn thèm. Người nhà thấy thế lại đi mua Cam về cho ăn, ăn gần hết đến 50 quả thì huyết đình-chỉ không băng nữa, và các chứng-bệnh đều khỏi cả, rồi dần dần lành-mạnh như trước.

Từ đó vợ chồng ăn ở với nhau, đến nay đã bốn bận sinh rồi, cũng chẳng thấy sao cả; chỉ có một điều là khó nuôi con mà thôi. Hai điều quan Đốc dặn đều không giữ được mà chẳng thấy chết, mới là lạ.

Một điều nên chú-ý là bệnh-tình rất trầm-trọng như thế, trái Cam kia lại có sức linh-nghiệm gì mà cải-tử hoàn-sinh được như vậy?

(Trich Y-học-tạp-chi số 36 ngày 1-10-38).

Thị-Thực trước bị băng huyết sau sinh bệnh nóng-nảy, phiền-khát, xét ra các lối bàn trên này thì Cam chữa nóng nhiệt, phiền-khát, khai Vị rất tải, lại có sức cầm huyết, cho nên bệnh khỏi được cũng vì đó. Vả lại khi nào đau-ốm tức là khi ấy trong mình ta thiếu một chất gì, làm cho ta phải thèm ăn chất ấy. Ta thấy được chất ấy phải đòi ăn, ăn thấy khoan-khoái dễ chịu, tức là hợp bệnh, rồi phải khỏi. Cũng là cái lẽ tất-nhiên.

Cây Chanh

Cây chanh

ĐĂNG 橙

Citrus limonum Risso

Thổ-sản.— Nước ta về các miền thôn-quê nơi nào người ta cũng trồng nhiều, nhất là 2 tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh (Trung-kỳ).

Hình-sắc.— Thuộc về loài Mộc, cao độ một, hai thước Tây, cây nhỏ có gai, cây già thì không gai, lá hình bầu-dục mà hơi nhọn, có những điểm nhỏ sang-sáng, kề cuống lá đều có lá kèm, lá mỏng-mềm, sắc lục; đến mùa xuân có hoa

trắng hơi tim, hoa có 5 cánh; Quả nó tròn, ngoài da trơn bóng-láng, khi chín sắc vàng, trong múi có nhiều nước chua thơm.

Tính-chất.— Tinh mát-mẻ, khi hàn, vị chua, không có chất độc.

Công-dụng.— *Quả*: Chuyên chữa về Can-nhiệt, chữa đau Mắt, mụn-bướu, tràng-nhạc, trừ các chứng phong, thông huyết-mạch, lợi đảm, nhuận Phổi, chữa bệnh trĩ, bệnh lậu, bệnh thoát-giang, trừ chất độc trong đồ ăn, và mùi hôi-tanh của Cá-thịt; chữa bệnh lợm ruột, đau Dạ-dày.

Vỏ quả.— Chuyên chữa các khi độc hơi gió, khi uất trong Dạ-dày, ăn-uống không tiêu. Bụng nôn-nao muốn mửa, thông đờm lợi khí, chạy suốt Màng-mỡ, chữa bệnh trĩ, tỉnh say rượu.

Hột chanh.— Chữa bệnh Thiên-trụy, trên mặt có tản-hương, và chữa Rắn cắn.

Lá chanh.— Lá chữa ho gió, nhức Đầu, sốt-rét.

Rễ chanh. — Chữa yết-hầu, sâu Răng, nhức Răng, giải thuốc độc.

Châm-gưởi cây chanh.— Thường dùng chữa ho.

Phân-lượng.— Dùng từ 1 đồng đến 3 đồng.

Cấm-dụng.— Ăn nhiều hay chảy nước miếng. Nó có tính trái với Nam-tinh.

Hợp-dụng — *Quả.* Hợp với đường chữa khát ; hợp với Cam-thảo chữa yết-hầu ; hợp với thuốc Lào chữa sốt-rét ; hợp với mật làm thuốc thanh Tỳ, tiêu thực ; hợp với Hạ-khô-thảo (Cải-dại) chữa tràng-nhạc ; hợp với Băng-phiến chữa các bệnh phong; hợp với mật-ong, chữa đau Mắt có màng-mộng ; hợp với Thiết-phấn (tét sắt) chữa bệnh trĩ lở dưới hạ-bộ.

Vỏ-quả.— Hợp với Đản-hương chữa bệnh ách tức ; hợp với Gừng-sống, chữa ho-đảm ; hợp với Muối chữa bệnh tich-thực.

Khảo-chứng.— Học-thuyết Trung-quốc :

1) Thông - hành phong khi, trừ các chất độc của loài Cua, Cá. Ăn nhiều Chanh thường tổn đến khí của Gan, phát bệnh hư-nhiệt. Ăn với thịt Rái cá làm cho Đầu-mặt xây-xẩm và hay lợm (Trần-Sĩ-Lương);

2) Mứt Chanh tiêu hạch đờm, đưa khi đi xuống, khoan-khoái Dạ dày và Lá-lách, tỉnh được Rượu (Thọ-lục-phương).

Học - thuyết mới.— Quả Chanh vị chua, tính hàn, không độc, tiêu tích giáng khí, lại có công-dụng sát trùng. Vỏ chanh thì lấy thứ chanh gần chín, cắt ngang, lược lấy vỏ, ngâm vào trong nước lạnh độ nửa giờ, khi đã mềm rồi, ép bỏ nước đi, phơi khô mà dùng. (Hòa - hán - dược-khảo).

Theo Hóa-học phân-chất thì vỏ Chanh có chất dầu Phát - huy - du và chất đắng Việt-cơ-tùy.

Học - thuyết Âu - Mỹ.— Bác-sĩ người Đức Klemperer cho những người đau bệnh cốt-khí (goutteur) uống nước Chanh mà khỏi. Sau đến các Bác-sĩ người Anh Owen Reco và Barlow dùng Chanh chữa bệnh ốm - mòn và có công-hiệu hoạt-huyết.

Ở bên Pháp, Bác-sĩ Desplats dùng Chanh chữa bệnh phong-thấp cũng hay ; giáo-sư Netter chinh ông ta đã lấy nước Chanh chữa bệnh đau lưng của ông thấy khỏi hẳn.

Đản-bà béo hay dùng nước Chanh uống cho gọn người lại mà không hại sức khỏe.

Dùng nước Chanh có chừng-độ dần dần thời tốt, nếu dùng quá thời lại hóa xấu.

Nước Chanh tươi là vị thuốc sát-trùng rất quý, uống trong cầm được chứng nôn-mửa, khỏi nhức Đầu, hết bệnh táo-dạ và thông Tiểu-tiện, lại bổ cho quả tim.

Mỗi ngày chỉ nên uống nước quả Chanh trước hay sau bữa ăn chia làm 4 bận, mỗi bận nửa quả, thành cả ngày 2 quả mà thôi. Bỏ vỏ lấy cả múi, ngậm rồi nuốt đi. Người ta thường hay pha nước Chanh vào nước đường, hay chè, nhưng không kiến-hiệu bằng, cứ ăn Chanh như thế, thì trong vài ba tuần-lễ thấy có công-hiệu hơn ; nhất là những người có bệnh Thống-phong nên dùng lắm. Các bà muốn đẹp không có mụn nổi trên mặt

cũng nên uống nước Chanh. (Dr Maurice Boigey).

Nước Chanh chữa được ung - sang, chứng yết hầu, và bệnh Băng-huyết, lại có chất giải được độc.

Dùng Dầu Chanh độ 8 gờ - ram chữa được bệnh sán Xơ-mit.

Vỏ quả Chanh tiêu mà bổ. Nõn Chanh non, chữa sốt - rét và có chất sát-trùng. (Dr A. Héraud).

Nước Chanh chữa Kiết-lỵ cũng hay lắm. Ông Cazin nói chính ông đã nhiều lần dùng nước Chanh hòa với café uống nóng, rồi đi nằm, mồ hôi ra là khỏi bệnh sốt, ông Fourcroy đã dùng nước Chanh để chữa chứng lở Miệng. (J. Clémen).

Trị bệnh bại-huyết không gì hơn nước Chanh (Fonssagrives).

Tham khảo. — Ở gần kinh - thành Belgrade, có một người nhà quê bị bệnh đau Dạ-dày « kinh niên » mà thuốc thang thế nào cũng không khỏi, đến các Bác-

sĩ trứ danh miền ấy cũng bó tay chịu, không có phương kế nào cứu được anh chàng khốn-nạn kia. Anh chàng này thất-vọng, đành nằm chịu chết, mà anh cứ nhịn đói luôn trong 40 ngày, chỉ ăn Chanh, tính ra trong 40 ngày hết 2000 quả Chanh.

Qua thời - kỳ nhịn đói mà chỉ ăn Chanh đó, anh chàng thấy minh khoan - khoái dễ chịu, đến lúc thầy thuốc xem lại thì anh này đã khỏi được bệnh đau Dạ - dày, nhưng người anh bị sụt mất đến 20 kilos,

(Báo Trung-bắc tân-văn số 5186, ngày 14 - 7 - 34).

Ở Ấn-độ, chữa bệnh điên bằng cách dùng nước Chanh gội đầu trước khi đi tắm buổi sáng. Chữa đau mắt cũng dùng phèn phi tán nhỏ, hòa với nước Chanh mà điểm.

Những người đi săn hay lấy nước Chanh xoa vào minh để khỏi muỗi . cắn. (Dr Paramanam Mariadassou).

Ở Cao-mên : Tên quả Chanh là Krauch chhmar.

Dùng lá để tắm, gội, chữa phong-thấp.

Dùng Chanh còn xanh làm thuốc thông Tiểu - tiện, và chữa bệnh đau Gan, đau quả-Cật.

Rê để chữa bệnh đau Gan, bệnh Kiết-ly.

Nước Chanh dùng để làm cho mịn Da.

Cụ Hải - thượng - lãn - ông nói: dùng Chanh chữa được chứng phong ở trong Dạ-dày sinh nôn-nao, và chữa đau Bụng.

(Bách-gia-trân-tàng)

Ở xứ ta thường dùng quả Chanh cắt ngang, quẹt với lọ nghẹ nồi mà ăn để chữa ho.

∴

Dâu-Thảo

CÂY CHỈ-SÁC

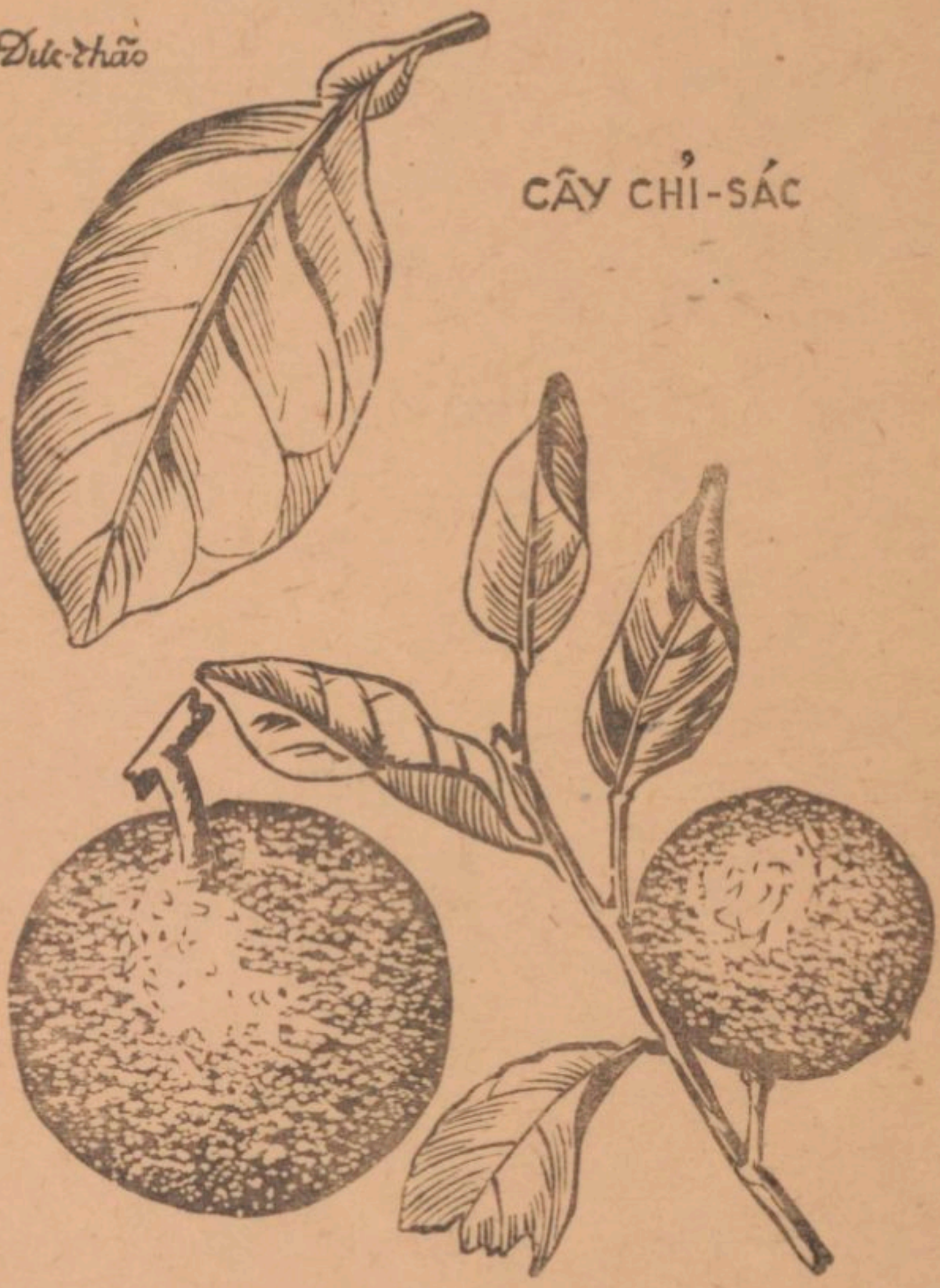

Cây chấp (Trấp)

CHỈ XÁC 枳 殼

Acgle sepiaria

Thổ - sản.— Chỗ Rừng - núi thưởng có. Ở Trúc - a, huyện Hương - khê (Hà-tĩnh, Trung-kỳ) ; Phủ-quỳ, Phủ Tương (Nghệ-an) người ta trồng nhiều, bên xứ Lào cũng có.

Hình - sắc.— Thuộc về loài Mộc, cao đến 3, 4 thước Tây ; hình như cây Cam, cây Bưởi, Thân cây và cành có nhiều gai, sắc xam-xám ; cành có nhiều lá, lá như lá Bưởi, chia ra hai đoạn : đoạn gần cuống thì nhỏ, đoạn trên to mà dài, mọc so-le, sắc xanh - lục, vò ra có mùi thơm. Tháng Giêng, tháng Hai có hoa, hoa cũng như

hoa Bưởi, tháng 5, tháng 6 có quả, quả cũng như quả Cam, da ngoài dầy và súc-sỉu, lúc non sắc xanh, lúc già chín sắc vàng; vỏ mỏng mà xốp; ruột trong ít nước, và chua hơn Cam. Quả nhỏ làm Chỉ-thực, quả to làm Chỉ-xác.

Mùa hái.— Tùy nơi có sớm muộn, từ tháng 2 đến tháng 6, nếu để già mà hái thì xốp, khó bán; đem về mổ đôi, phơi cho khô, càng được trắng, càng có giá; ở trên Mường họ hay lấy lửa sấy, thành sắc vàng-đen, bán mất giá.

Tính-chất.— Vị đắng và chua, khí hơi hàn, không có chất độc.

Công-dụng.— Phá khí trệ, khoan-khoái Trường, Vị, dùng làm thuốc hạ đàm, rảo thấp và thuốc tiêu-hóa; thông-lợi khắp các khớp xương; chữa phong-ngứa, tê-bại, đau-nhức, và phong ở Đại-trường; chữa ho, trục thủy, tiêu-trướng và yên Dạ dày.

Phân-lượng.— Dùng từ 8 phân đến 2 đồng.

Cấm - kỵ.— Phàm Tỳ, Vị hư-hàn không có thấp-tích và Đàn - bà có thai, Thể-chất vẫn hèn đều không nên dùng.

Xấu - tốt.— Thứ nào lâu năm và dầy không mọt là tốt. Thứ nào vỏ mỏng đen là xấu.

Bào - chế.— Dùng quả, bỏ Ruột, bỏ Hột, lấy cám nếp cho nước vào vắt lại nướng cho chin mà dùng, hay là sao với cám, bao giờ cám cháy, bỏ cám ra.

Hợp - dụng.— Hợp với Đại-hoàng chữa các chứng uất - tích ; hợp với Hậu-phác, chữa bệnh đầy-trướng ; hợp với Mộc-qua, chữa bệnh cước-khí ; hợp với Hoàng-liên chữa bệnh Trưởng-phong ; hợp với Bạc-hà, Kinh-giới, chữa các chứng phong - đờm ; hợp với Quế-chi, Sinh-khương chữa các bệnh Hiếp-thống ; hợp với Tô-tử Quất-bì, Cát - cánh, Mộc - hương, Bạch - đậu-khấu, Hương-phụ chữa hàn-khí ủng-tắc ở thượng-tiêu, sinh bệnh trướng - đầy ; hợp với Kinh-giới, Khổ sâm, Phòng-phong, Thương-

nhĩ, sắc lấy nước mà tắm, chữa bệnh sưởi phá. ngứa ; hợp với Binh-lang, Thược-dược, Hoàng-liên, Thăng - ma, Cát-cánh, Cam-thảo, Thần - khúc, Hoạt-thạch, chữa bệnh-lỵ ; hợp với Nhân-sâm, Mạch-môn, chữa bệnh khi hư, đại-tiện không khoái.

Khảo-chứng.— *Học-thuyết Trung-quốc*:

1) Chỉ-xác chữa phong-chẩn nổi khắp mình, bệnh ác-sang, bệnh trưởng-phong và khi kết ở Tầm - phúc, trưởng đầy ở hai bên Hiếp. (Nhân-quyền) ;

2) Chỉ-xác khai Vị, kiện Tỳ, điều-hòa 5 Tạng, chữa những bệnh : ẩu - nghịch, phiên-vị, hoắc-loạn, thủy-thũng ; tiêu đồ ăn, phá các chứng tích, thông-lợi Đại-Tiểu-trưởng, trừ được phong, sáng được mắt, người ta dùng quả nó hơ nóng ép vào chỗ trĩ rất hay. (Chư-gia bản-thảo) ;

3) Chỉ-xác tiết khi ở Phổi, trừ bệnh tức Ngực (Trương-Nguyên-Tố) ;

4) Chỉ-xác chữa bệnh lỵ mà lý cấp hậu trọng rất hay. (Lý-Thời-Trân) ;

5) Chỉ-xác khí vị cũng như Chỉ-thực, nhưng Chỉ-thực bình nhỏ, khí mãnh-liệt, hay đi xuống dưới, như một ông tướng trẻ tuổi, hăng-hái, còn Chỉ-xác hình to, khí tán, tính hòa-hoãn, có cách chậm-chạp hơn, (Hy-Ung);

6) Chỉ-xác hạ khí khoan-Hung, lợi Phế, khai Vị, phàm bệnh cảm phải phong-hàn, hoặc nhân tích-trệ, mà sinh ra các chứng như : ho-hen, đờm-giãi, tức-Ngực, đau Hông v. v. đều chữa được cả. Còn như sách nói : « ích khí minh mục » thì chưa lấy gì làm đích-xác.

Nói cho đúng thì dùng nhiều hao-tổn đến nguyên-khí ở Hung-trung ; dù những bài Thúc-thai, Sấu-thai, người xưa cũng có dùng, nhưng người mạnh thì không can gì, nếu người hèn thì có nguy-hiểm. (Hoàng-cung-Tú) ;

7) Chỉ-xác quả to, khí hoãn, chuyên-chủ về bộ-phận rất cao, vào kinh Thủ-thái-âm (chế) chữa những bệnh ở Hung-

cách, bì-mao, lại có khi chạy xuống Đại-trường nữa, cũng phá được đờm-kết, trừ được tích-tụ, tiêu được thực-tích, chỉ được tả lỵ ; nhưng công-lực hơi hoãn mà thôi ; hợp với Tê-ngạnh thì thuận khí, gọn thai ; hợp với Hoàng-liên thì giải độc, tán uất, cổ-phương phần nhiều hay hợp với bài Nhĩ-trần, dùng để trị về phần khí, nghĩa là Chỉ-xác chú hạ khí, Nhĩ-trần chủ hành-khí, nếu chỉ hành-khí mà không hạ-khí, thì trọc khí đi cản lên trên, sinh bệnh ho-hen, thở-dốc, chỉ hạ khí mà không hành-khí, thì thanh-khí đi còn xuống dưới, sinh bệnh sôi bụng đi rào, cho nên thường đi kèm với nhau ; nhưng chỉ nên uống 1, 2 lần mà thôi, nếu người hèn thì không nên uống. (Diêm-Lập-Thăng).

Chỉ xác, Chỉ-thực, phân biệt ở chỗ non hay già, to hay nhỏ, hái về tháng 7, 8 quả nhỏ mà non, nhục dày, phơi khô, sắc đen nâu là Chỉ-thực, hái về tháng 9, 10 quả to mà già, nhục hơi mỏng, sắc

trắng là Chỉ xác, mỗi quả cắt đôi làm cho quăn môi lên như miệng chậu, phải để lâu ngày mới tốt (Tảo-Binh-Chương).

Chỉ.xác chữa ở chỗ cao, chủ về khi, nên trị những bệnh ở Hung-cách, bi-mao, chỉ thực chữa ở chỗ thấp, chủ về huyết, nên chữa những bệnh ở Tâm-phúc, Tỳ, Vị, 2 vị ấy cũng có khác nhau ít nhiều (Vương-hiếu-cổ).

Chỉ-xác, Chỉ-thực thượng-cổ vẫn không phân biệt, về sau mới chia ra hai thứ, Khiết-cổ - Động-viên lại có thuyết : « chữa ở chỗ cao, chỗ hạ » nữa. Nhưng nói cho đúng thì công-dụng nó cốt chữa về khi, khi hạ thì chỉ được bệnh đờm - suyễn, khi hành thì tiêu được bệnh đầy-trướng, khi thông thì chỉ được bệnh nhiệt-thống, khi lợi thì trừ được bệnh hậu-trọng, cho nên các sách cho là Chỉ-thực lợi Trường, Vị, Chỉ-xác lợi Hung-cách là thế. Nhưng Trọng-Cảnh chữa bệnh Hung-tỷ, ngài cốt dùng Chỉ-thực, mà các bài thuốc đời sau chữa bệnh ở Đại-trường cũng thường

dùng Chỉ-xác. thế thì Chỉ-xác chẳng những chữa chỗ cao, Chỉ - thực chẳng những chữa chỗ hạ mà thôi. (Lý-Thời-Trân.)

Học - thuyết Nhật-bản. — Chỉ-xác là như lá Cam, dày mà sắc thâm-lục, nhiều gai, qua mùa đông không héo, trái như trái Quit-hôi mà to hơn, nhưng khi chín thì vỏ dày, còn Quit-hôi chín thời vỏ mỏng. (Bản-thảo-kỷ-văn)

Lúc mới kết thành quả như mắt con Nga là Chỉ-thực, quả đã to như hòn đạn là Chỉ xác, nay các hàng thuốc họ thường lấy thứ to 7, 8 phân cho là quả Chỉ-thực; nhưng kỳ - thực là Chỉ-xác. Chỉ-xác phải lấy thứ vỏ dày, miệng quăn như miệng chậu là tốt, nếu vỏ hơi mỏng, tức là loài Quit - hôi, không dùng được. (Bản - thảo mông-thuyên).

Học-thuyết Âu-Mỹ. — Bác-sĩ J. Green dùng Chỉ-xác làm thuốc xổ-nhẹ, cho là chữa bệnh tảo vi khí bế rất hay. Bác-sĩ Boze khuyên người ta nên dùng vị này trong khi có bệnh thời-khí thổ-tả

để phòng bệnh, vì uống nó đại-tiểu-trưởng được thông khoan, không có bệnh Táo hay bệnh đi-ỉa. Nếu dạ-dày yếu không uống nổi thuốc làm bằng viên hay bằng bột, thời sắc vỏ tươi mà dùng.

Rễ, vỏ và lá cây Chấp dùng làm thuốc thanh nhiệt.

Người Ấn-độ dùng quả Chấp chưa chín làm thuốc chữa bệnh táo, bệnh kiết-ly, dùng quả chín để chữa bệnh táo kinh-niên.

Vỏ rễ cây Chấp chữa bệnh sốt từng cơn hay sốt cách nhật.

Lá làm thuốc dặt mắt.

Vỏ cây chữa bệnh quả-tim hồi-hộp.

(H. Bocquillon. Limousin)

∴

CHỈ - THỰC 只實

Chủng - loại.— Lấy quả Chấp còn non nhỏ làm Chỉ - thực. Bây giờ người ta hay lấy quả Cam non làm Chỉ-thực là thứ giả.

Tính - chất.— Vị đắng, tính hàn, không có chất độc.

Công - dụng.— Phá-khí, tiêu - tích, hóa đàm, khoan - khoái chỗ Hung - cách, dùng làm thuốc lợi Tiểu-tiện, thuốc phát-tán và thuốc tiêu-hóa.

Chủ - trị.— Chữa phong - khí ở trong tầng Da sinh ra ngứa ngáy, chữa sốt-rét, chữa lỵ; trừ đàm ở trong Hung cách, trục hơi nước, tiêu trướng đầy, chữa đau-tức ở dưới quả-Tim, và bệnh đường-tiết.

Theo thực-nghiệm của Trọng-Cảnh thì Chỉ-thực chuyên chữa bệnh kiết - chặt, lại kiêm chữa bệnh Hung - mãn, Hung - tỷ, Phúc-mãn, Phúc-thống nữa.

Khảo - chứng.— Học - thuyết Trung - quốc: Chỉ thực chữa bệnh kiết - hung, và bệnh ho suyễn khi nghịch lên. (Nhân-Quyền).

Chỉ-thực tiêu đồ ăn, tán ứ-huyết, phá kiên - tích, chữa bệnh thấp-nhiệt ở trong Dạ - dày (Trương-Nguyên-Tố).

Chỉ-thực vị đắng khi hàn không độc, Biệt-lục lại thêm vị chua, Nhân - quyền lại thêm vị cay, nhưng xét công - dụng của nó, nhất là vị đắng, thứ nữa là vị cay vị chua.

Chỉ-xác Chỉ-thực hai vị nầy thủa xưa vẫn là một, đời sau mới phân-biệt ra. Đại-đề Chỉ - thực là một vị phá khí có sức mạnh, cho nên Trọng-Cảnh chữa bệnh đầy Bụng có bài Thừa-khí, chữa bệnh đau Ngực có bài hãm-hung, Khiết-cổ chữa đau tức dưới quả tim có bài Chỉ-truật-hoàn, còn như sách Biệt-lục nói sảng được mắt, thì không lấy gì làm đích-xác. (Hy-Ung).

Chỉ - thực khí vị cũng giống Chỉ - xác, nhưng Chỉ-thực quả nhỏ khí mạnh, hạ khí rất chóng, không phải như Chỉ - xác quả to, khí tán, chỉ là một vị thuốc lợi Phế, khai Hung, khoan Trường mà thôi, chỗ nên khi ở Hung-trung thì dùng Chỉ-

xác, khi ở Hung-hạ thi dùng Chỉ-thực, khi trệ thi dùng Chỉ-xác, khi hãm thi dùng Chỉ-thực. Người xưa có nói : Chỉ-thực trị huyết, Chỉ-xác trị khí nhưng khí hành thi huyết tự nhiên thông, nói cho đúng hai vị này đều là thuốc lợi khi cả, cho nên đi với Bạch-truật thi điều Tỳ, đi với Đại-hoàng thi đãng địch Trường-vị, nếu người khí kém mà dùng nó, chẳng khác gì lửa đỏ lại bỏ rơm thêm.

Học-thuyết Nhật-bản. — Chỉ-thực ở Tàu thứ to thi như quả Mò-hòn (vô-hoạn-tử), thứ nhỏ thi như hột Đậu-đen, quả nào to cắt đôi ra nhục quăn lại, vỏ dày, sắc xanh đen, vị đắng cay ấy là thứ tốt. Thứ nữa là giống sản ở Cao-ly ninh sắc và vị cũng hơi giống của Tàu. Còn giống của Nhật-bản cũng có thứ to thứ nhỏ, hình sắc và vị cũng hơi giống của Tàu, các hàng buôn họ hay lấy giống ở Cao-ly lẫn vào. (Cổ phước dược-phẩm).

Lá cây Chỉ-thực giống lá cây Cam, khác với lá quýt-hôi, có người lấy quả quýt-

hôi làm quả Chỉ-thực là không đúng. Khi dùng lấy nước rửa sạch bỏ múi và hột, sao với cám, cám cháy lấy ra bỏ cám đi thái nhỏ mà dùng, nhất là thứ lâu năm càng tốt, cũng có khi họ lẫn quả quít-hôi vào thì phải lựa bỏ đi. Thái-hòa-bản-thảo).

Chỉ-thực dùng thứ của Tàu, quả như hột chè, hái ngay khi hoa mới rụng, to độ 3 phân, gọi là Nga-nhãn-chỉ-thực là thứ rất tốt (Bản-thảo mông-thuyên).

Giống vỏ xanh mà chưa chín gọi là Chỉ-thực, đã chín mà to gọi là Chỉ-xác, hai thứ ở Tàu đem lại đều là thứ thiệt, Chỉ thực rất nhỏ gọi là Nga-nhãn-chỉ-thực, ở Nhật-bản vẫn không có giống ấy, một đôi khi Cao-ly chở qua, nhưng cũng rất ít, nay các hàng thuốc bán nó đều là quit-hôi cả, hoặc giả nói « xem ở trong ruột có 12, 13 múi là Chỉ thực, chỉ có 6, 7 múi là quit-hôi » nhưng cũng không đúng, vì quit-hôi cũng có khi đến 12 múi không chừng. (Nhật-dụng dược phẩm khảo).

Địa-thảo. PHÂT-THỦ.

Phật-Thủ

HƯƠNG-DUYÊN 香椽

Citrus médica L.

Thổ-sản, — Các vùng Thôn-quê hay trồng ở trong vườn.

Hình-sắc.— Thuộc về loài Mộc ; cành mọc cao nhưng yếu, ngã xuống đất, lại mọc rễ thành cây khác ; lá giống lá Thanh-yên, hình bầu-dục mà dày, xung-quanh có răng-cưa, mặt trên sắc lục-láng, mặt dưới sắc lục-lợt, có mùi hăng-thơm ; có hoa về mùa xuân, sắc trắng, đầu chót hơi tim tím ; quả hình như cái loa, đầu có chia ra làm 5, 6 khía, tròn múp như ngón Tay, ngón nắm, ngón duỗi, nên gọi là « Phật-thủ 手佛 ». Vỏ dầy ngoài vàng, trong

trắng, mùi thơm rất dễ chịu.

Tính - chất.— Tinh ôn-hòa, khi nồng, vị cay ngọt, không có chất độc.

Công - dụng.— Đem khi đi xuống, chữa bệnh đờm, bệnh thủy ở Quả - tim. Làm mứt rất ngon-thơm.

Cách-dùng.— Người ta thường dùng vỏ, cũng có khi chưng lấy nước, gọi là Hương-diên-lộ, 香 椽 露 mùi thơm, vị lạt dùng rất công-hiệu. Vỏ ngâm vào rượu, uống rất thơm-ngon, tiêu đờm, hạ khi.

Khảo-chứng.— Hương - duyên ngâm với rượu uống, chữa bệnh ho đờm, sắc nước uống chữa bệnh đau ở dưới Quả-tim. (Lý-Thời - Trân).

CÂY QUIT-HÔI
TRẦN-BÌ

Dược-thảo:

Cây quýt

QUẤT 橘

Citrus deliciosa L. Sub sp.

Thổ-sản.— Ở các Thôn-quê trồng nhiều. Quít ngọt có quít ở Hưng-yên (Bắc-kỳ) quít Hương-cần (Thừa-thiên, Trung-kỳ). Ở Rừng-núi cũng có, phần nhiều là quít chua.

Hình-sắc.— Thuộc về loài Mộc, cao đến 3, 4 thước Tây, chung-quanh cành có nhiều gai; lá nhỏ như lá Chanh, hai đầu nhọn, giữa lá bầu ra, cạnh tròn, mỏng và mềm, sắc xanh-láng; mùa Xuân có hoa, hoa như hoa Cam, sắc trắng; quả non sắc xanh, quả chín sắc vàng-hồng.

Còn có thứ Quit tên là quả Tắt vỏ dầy, xốp, vị chua, ở Nghệ-an, Hà-tĩnh trồng nhiều để lấy vỏ làm Trần-bi, 陳皮 lấy quả non làm Thanh-bi 青皮 hột gọi là quất-hạch 橘核.

Tính-chất.— Lá tính hòa-bình, vị đắng mùi hăng.

Nước-quít.— khí ấm, vị ngọt hay chua.

Vỏ quít.— Tính ôn-hòa, khi ấm, vị the và đắng.

Hột-quít.— Tính hòa-bình, khi hàn, vị đắng. Các thứ ấy đều không có chất độc.

Công-dụng.— *Lá* : chuyên chữa về Gan, thông-sướng Hung-hiếp, tiêu thủy, tán độc, trừ khí ách tức ; chữa mụn trong Phổi và mụn nơi Vú.

Nước-quít.— Khoan-khoái Dạ-dày, trừ hơi tức trong Ngực, thẩm-nhuận lá-Phổi ; chữa Miệng khô Cổ ráo.

Vỏ-quít.— (Trần-bì) chuyên chữa về khí-phận, thông lá Lách lá Phổi, tiêu-đàm,

hạ khí ; chữa ho-hen, ẩu - thổ, bệnh tích, bệnh ly, oẹ mửa, sốt Ruột, ăn-uống không tiêu, sinh cơn sốt-rét, Đại-trường bí-kết, hen-suyễn nhiều đờm, trừ Bạch-thốn-trùng, và chất độc các loài Cá, chữa khí - lạnh, bệnh cước - khí, bệnh đau Bụng, phong-đàm tê-bại, Trẻ-con cam-nhiệt, thông được bệnh Lâm

Quả - non.— (Thanh-bì) chuyên chữa về Lá-gan Quả - mật, thông suốt Tỳ Phế, chữa đau Hiếp, đau Ngực, đau Bụng, bệnh thấp, bệnh Kiết, bệnh Tích, bệnh sán-khí sốt-rét, ách-nghịch, lở môi lở Miệng. Đàn-bà đau Vú, trẻ con đau Tai.

Hột - quít.— Chuyên chữa về Can-kinh, thông suốt đến Thận, đến Bàng - quang, chữa đau Bụng, các bệnh Sán thống, đau tử Âm-nang chạy vào ruột, bệnh Thiên-trụy, âm nang sưng-thũng, hoặc rắn như viên đá, hoặc trong suốt như bóng nước.

Phân - lượng.— Dùng từ 1 đồng đến 2 đồng.

Cấm - kỵ.— Người nhiều đờm không nên ăn quả Quit, người Khí hư không nên dùng Trần-bì nhiều; người Huyết hư không nên dùng **Thanh-bì** nhiều. Phàm bệnh không có thấp-trệ không nên dùng.

Tốt - xấu.— Vỏ Quit càng để lâu năm càng quý, nên gọi là Trần-bì kinh-niên giá rất đắt.

Hột : Quít hay **mọt**, hay bị chuột ăn, dùng thứ trắng chắc là tốt.

Thanh-bì, nhất là thứ quả Quít non là tốt, người ta hay lấy Cam non, Bưởi non, Chanh non thay vào không dùng được.

Bào - chế.— Dùng lá thi để sống.

Dùng vỏ Quit, tẩm nước bỏ cùi trắng, hoặc có khi không bỏ, sao muối mà dùng.

Dùng Thanh-bì : Lấy nước nóng ngâm rồi bỏ ruột, thái mỏng tẩm dấm sao qua.

Khảo - chứng.— Học - thuyết Trung-quốc :

1) Vỏ - Quit chuyên chữa bệnh Ách-nghịch (nắc-cụt) lại kiêm chữa bệnh Hung-tỷ mà có đờm lưu-kết lại. (Trọng Cảnh).

2) Vỏ-Quít thanh-đàm chữa ho, chữa bệnh lỵ thuộc về khí, phá các bệnh Tích, như những bệnh Huyền-tịch Trưng-hà. (Nhân Quyền);

3) Vỏ Quit chữa bệnh mửa, oẹ, phiên-vị, xốn ruột, thổ ra nước trong, bệnh đờm, bệnh sốt-rét, cùng Đại trường bế-tắc, Đàn-bà mụn Vú, dùng làm đồ gia-vị giải được mùi hôi-tanh của loài Cá. (Lý Thời-Trân);

4) Vỏ Quit chỉ ẩu, chỉ tả, mạnh Dạ-dày, tiêu-đàm, tiêu đồ-ăn, đưa khí đi xuống, vừa bổ vừa tiêu, vừa tán vừa giáng, công-dụng hay hơn các vị thuốc khác.

Bởi vì vị cay thì hợp với Phế, khí thơm thì hợp với Tỳ; Tỳ và Phế là chỗ nguồn-gốc của khí, vỏ-quit trị được khí, cho nên vào được hai kinh ấy; đi với thuốc thăng-đề thời đưa lên, đi với thuốc hạ giáng thời đưa xuống; cách ứng-dụng về phương-diện nào cũng chu-đáo cả. (Lý-Sĩ-Tải)

5) Vỏ-Quit dùng với Gừng-sống thi chỉ ẩu ; dùng với Bán-hạ thi hoạt đờm ; dùng với Hạnh-nhân thi chữa Đại-trưởng khi bế ; dùng với Đào-nhân thi chữa Đại-trưởng huyết bế.

Còn nói lợi-khi tuy cũng giống Thanh-bì, nhưng Thanh-bì chỉ vào Cau giúp sức sơ-tiết, chẳng phải như vị nầy vào Tỳ ráo thấp, lại vào Phế trị khí nữa, nhưng uống nhiều cũng có tổn-hại đến nguyên-khi. (Hoảng Cung-Tú) ;

6) Vỏ Quit bỏ mu trắng gọi là Quất-Hồng 橘紅, khi pha trà bỏ vào một vài miếng uống rất ngon. Bây giờ thường gọi là Hóa-châu quất-hồng 化洲橘紅 sắc nó không đỏ, đều là loài vỏ Cam cả. (Vương Sĩ-Hùng) ;

7) Vỏ-Quit chữa đảm, chữa ẩu, tiêu-thực, tỉnh rượu, công-dụng hơn Chỉ-xác, Tô-ngạnh, bởi vì khí ôn hay bổ Tỳ và Phế, khi dùng phải có thuốc khác giúp sức vào, như : đi với Sâm Linh thi ấm Vị ; đi với Bạch-truật thi mạnh Tỳ ; đi với

Cam-thảo thì ích Phế; đi với Bán-hạ thì trừ thấp; đi với Thanh-bì thì khứ-trệ; đi với Trúc-như thì chữa ách; nhưng cay thơm tiết mất khí, nên bệnh đau mắt, đau Hông hoặc tức-giận động khí thì rất nên kiêng. Sách có nói « Trần-bì chữa chỗ cao, Thanh-bì chữa chỗ thấp », tuy thế người ta cũng thường thông dụng. (Cổ-Cửu Như);

8) Thanh-bì Phá kiên-tích, tán trệ-khí, trừ hơi thấp ở hạ-tiêu, và chữa bệnh tích của Can ở về Hiếp bên tả. (Trương-Nguyên-Tố);

9) Chữa đau Hiếp, chữa nghịch-khí ở Hung-cách, sán-khí ở Tiểu-phúc, tiêu mụn Vú, sơ-lợi Can, Đởm và tả khí ở Phế. (Lý-Thời-Trân);

10) Thanh-bì thuở xưa chưa dùng, đến đời Tống các nhà thuốc mới bắt đầu dùng, sắc nó xanh, vị rất đắng cay, khí-ấm không độc, tính trầm mà đi xuống, vào kinh Túc-quyết-âm và Thiếu-dương; vị đắng thì tiết, cay thì tán, tính lại mãnh-

liệt, cho nên chữa các bệnh như : Tích-tụ, khí-kết v. v. (Hy-Ung);

11) Thanh-bì công-dụng cũng như Trần-bì nhưng tính mạnh hơn ; Thanh-bì như người trẻ tuổi, khí đang hăng hái. Trần-bì như người đã già tinh cương-táo đã bớt đi nhiều ; Thanh-bì sắc xanh vào Can, khí thơm vào Tỳ, xem như bệnh cơn là thuộc về Can-phong, và Tỳ thấp, Thanh-bì vào Can tán được khí, vào Tỳ tẩy được đờm, cho nên bệnh cơn rất cần dùng đến Thanh-bì. (Lý Sĩ-Tải).

Học-thuyết Nhật-bản.— Quất-bì là một thứ vỏ của quả mật-quất sản ở Quảng-đông (Trung-quốc) tục gọi là Quảng-bì, lại có thứ gọi là Thanh-bì hay Đồng-bì, là những thứ vỏ bóc ở quả quít chưa chín mà phơi khô ra, còn thứ quít của Nhật-bản theo sự thí-nghiệm của Thái-Lang-Thị thì cũng như quít ở Tây-dương có chứa một thứ dầu gọi là Yết-ty-bí-lý-nhân.

Học-thuyết Âu-Mỹ.— Trần-bì hành-huyết, ấm Dạ-dày để giúp sức tiêu-hóa,

chữa bệnh đau Dạy-dày và có thể đuổi phong ra, bởi vì nó có một thứ dầu đặc-biệt, nếu dùng mà bỏ hết thứ dầu ấy thi kém mất công-lực. Khi dùng nó phải kèm với các vị thuốc khác.

Các bài thuốc hay của Trung-quốc.

1·) Bài Nhị trần 二陳湯 Chữa người béo-mập, bị thấp-đảm, ho-hen đầy trướng:

Trần-bì (bỏ cùi trắng)	2 đồng
Bán-hạ (chế nước Gừng)	3 —
Phục-linh	3 đồng
Cam-thảo	1 đồng

Gia 3 nhát Gừng cho nước vào sắc uống;

2·) Bài NHUẬN-HẠ-HOÀN 潤下丸 Chữa thấp-đảm theo hỏa-khi đưa lên, ho-khạc ra chất đặc.

Trần-bi nửa cân	Muối 5 đồng
Cam-thảo (chích mật)	2 lạng.

Trước lấy Trần-bi bỏ vào nồi đất, hòa nước muối cho đều, nấu khô, đoạn đem

nghiền chung với Cam-thảo thành bột, viên bằng hột Ngô, mỗi lần uống 100 viên với nước lã ;

3.) Bài QUẤT HẠCH-HOÀN 橘核丸 Chữa bệnh đồi-sán, hòn dái sưng-cảy, bên to, bên nhỏ, hoặc cứng như đá ; bệnh nặng thi lở thành sang, nước vàng chảy ra, phá mủ hôi-hám.

Quất - hạch (sao) Hải-táo, Côn-bố, Hải-đái (3 vị đều tẩm nước nóng) Xuyên-luyện-nhục (sao) Đào-nhân (sao) Hậu-phác, Mộc-thông, Chỉ-thực (sao cám) Huyền-hồ-sách (sao) Quế-tâm, Mộc-hương, các vị đều 1 lạng, tán nhỏ viên với rượu bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 70 viên với rượu hay nước muối ;

4.) Thanh - diêm Trần-bi.— Chữa đảm chữa uất, giáng khi, sinh tân, giúp sức Tỳ, Vị.

Cách chế.— Dùng 2 cân Trần - bì, ngâm nước sông một ngày, lấy Dao-tre cạo bỏ cùi trắng, đựng trong giỏ-tre, xối

nước nóng 4 lần ; đoạn dùng nước sông rửa sạch, làm cho hết chất đắng, rồi phơi khô vừa vừa, chừng còn được toàn vỏ sạch 1 cân ; lần đầu dùng Cam-thảo, ô-mai-nhục đều 4 lạng, sắc lấy nước đặc rưới vào, cứ ngày phơi nắng đêm phơi sương, đến khi nào vỏ mục, vỏ nát như hột Đậu, lại dùng Xuyên-bối-mẫu, bỏ ruột 4 lạng, Thanh-diêm 3 lạng, nghiền thành bột ; rắc vào cho đều, cũng phơi nắng phơi sương như trên, bao giờ khô cất đặt cẩn-thận mà dùng.

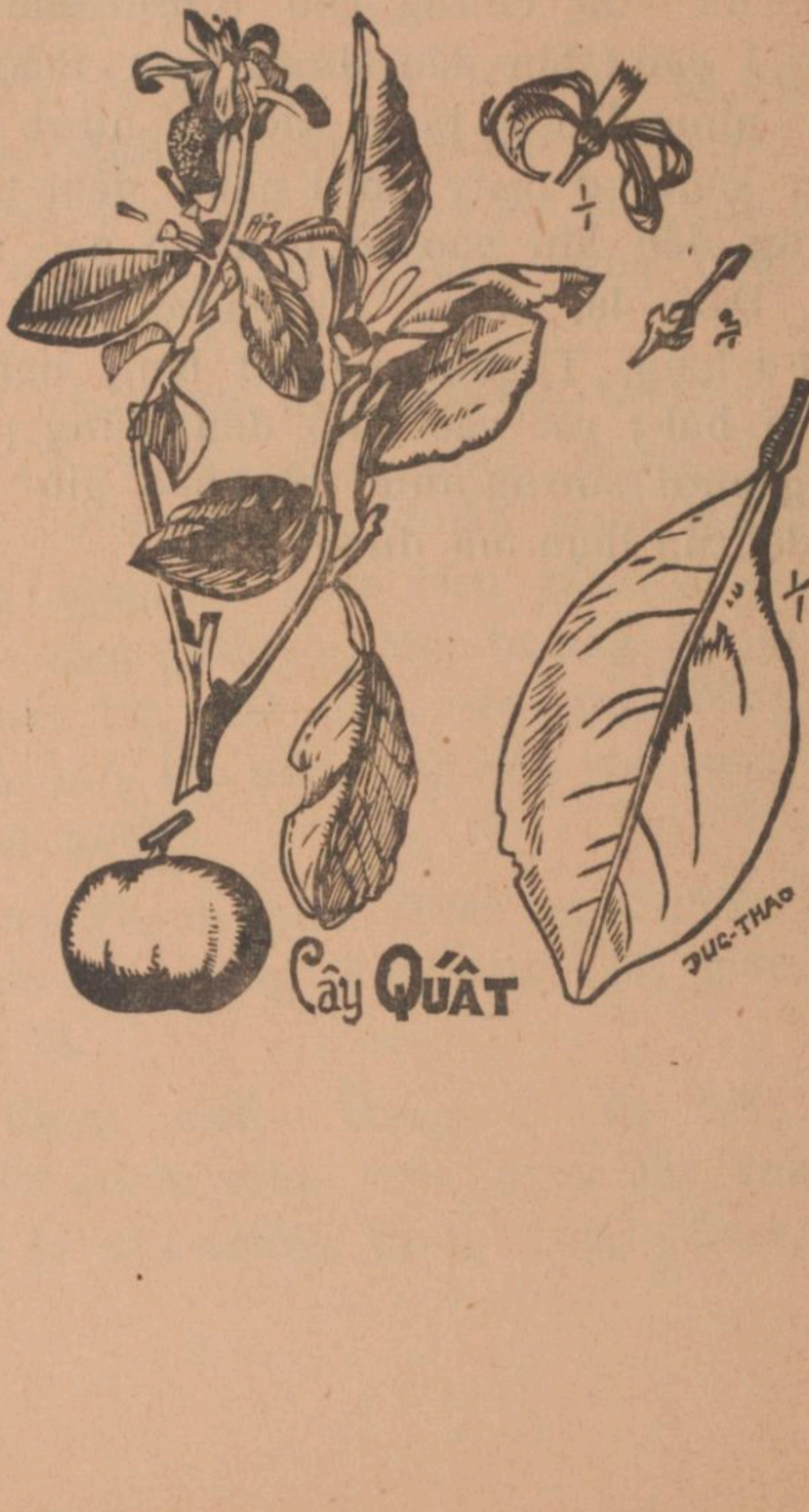

Cây QUÂT

Cây - quất

KIM - QUẤT 金 橘

Citrus joponica Tjuinb

Thổ - sản.— Ở các tỉnh Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, Hà-đông người ta trồng nhiều làm cây cảnh.

Hình - sắc.— Thuộc về loài Mộc, hình như cây Quit, nhưng cành, lá nhỏ, cao độ một, hai thước Tây. Lá hình bầu-dục, cạnh tròn, dầy và cứng, sắc lục. Hoa trắng có 5 cánh, có quả từ tháng 9 đến tháng giêng sang năm, quả nhỏ hơn quả Quit, bằng ngón Tay cái, da ngoài lúc chín sắc vàng bóng, mềm, trong cũng có múi, hột, vị chua, ăn được, vẫn dùng làm mất (mứt).

Tính - chất.— Tinh ôn - hỏa, khi ấm, vị chua, hơi ngọt, không có chất độc.

Chủ - trị.— Chuyên chữa về lá-gan, Dạ-dày, thông-xuất Hung cách, tiêu-hóa thực-tích, trừ ách-nghịch, chữa tiêu-khát, giải tửu độc, trừ uế-khí.

Mứt Kim - quất chữa các chứng ách-nghịch, giúp sức tiêu - hóa cho Dạ - dày, công-hiệu hơn Sa-nhân.

Rượu Kim-quất.— Dùng để chữa lá-gan uất - kết, Tỳ, Vị yếu hèn, trừ đờm-tích, chữa ẩu thổ.

Cây ĐỘC-LỰC
Cây Cam-thảo
Cây Cỏng

Dược thảo

Quít rừng. Cam trời

CÂY - XANH

Bạch - độc - lực. Hắc - lực.

白　獨　力　黑　力

Atalantia Armata. Guill.

Thổ - sản.— Các miền Rừng-núi, Thôn-quê, nơi nào cũng có, nó hay mọc hoang ở chỗ hàng-rào, hàng-giậu

Hình - sắc.— Thuộc về loài Mộc, cây ở núi cao đến 3 thước Tây, ở các hàng-rào, cao đến một thước Tây. Thân cây và cành cũng có nhiều gai, giống như cây quít, nhưng gai dài hơn sắc xanh ngắt ; lá nhỏ hình bầu-dục, dầy mà cứng, không có răng cưa, có nhiều gân, sắc

xanh, vỏ ra có mùi thơm-cay. Mùa xuân có hoa nhu hoa quít, nhưng nhỏ hơn, sắc trắng, quả như cúc-áo, lúc chín sắc tim, rễ nó có từng chùm như rễ Chanh, sắc vàng-vàng, nên người ta gọi là cây Quýt rừng. Rễ nó dùng làm thuốc, tên là Độc-lực.

Tính - chất.— Tính tiêu - tán, khi ấm, vị đắng và the, không có chất độc.

Công - dụng.— Chuyên chữa các chứng phong-thấp, chân - tay sưng - thũng, đờm-tích ngưng-trệ, đàn ông có chứng tê-thấp, Thân thể nặng-nề, đàn-bà có bệnh huyết-tích kinh-nguyệt không đều.

Hợp - dụng.— Hợp với Hoàng-lực (rễ Trưng) Bạch-lực (cây-lẳn-tăn), chữa các chứng sơn-lam, chướng-ngược ; hợp với Ty giải (củ Kim - cương), Phòng-kỷ (cây Ngón đất), chữa các chứng phong-thấp, tê-mỏi ; hợp với Trần-bì, Nam-tinh (cỗ-thôi), chữa các chứng đờm ; hợp với Hương-phụ (củ gấu), Uất-kim (Nghệ-giả), chữa các bệnh huyết ; hợp với Thỏ - ty (hột Tơ-

hồng), Mộc-thông (chặc cấu); chữa chứng phong-thấp tê-bại; hợp với Nam-mộc-hương (vỏ bùi-tia) Ô-dược (củ Sim-rừng) chữa các chứng đau Bụng, ăn nống không tiêu.

Cấm-kỵ.— Những người huyết nhiệt và khi huyết hư-hèn, không nên dùng nhiều vả Đàn-bà có thai cũng không nên dùng.

Bào-chế.— Dùng rễ rửa sạch, cắt cho nhỏ, tẩm rượu, sao vàng.

Lời của Tác-giả.— Vị Độc-lực này riêng của nước ta dùng; các sách Âu-Mỹ, Trung-quốc, đều không thấy nói đến. Nhưng xét ra thì nó có công-hiệu đích-đáng chữa chứng phong-thấp, tê-bại, sâu răng, trĩ mũi rất hay.

Cụ Tuệ-tĩnh, cụ Hải-thượng hay dùng đến. Đến sau cụ Lạc-Sinh, cụ Quỳ-Viên cũng công-nhận là một vị thuốc chữa về phong-thấp rất có hiệu-quả.

Vậy thì nó cũng là một vị thuốc Nam đáng qui.

Thí-Thảo -

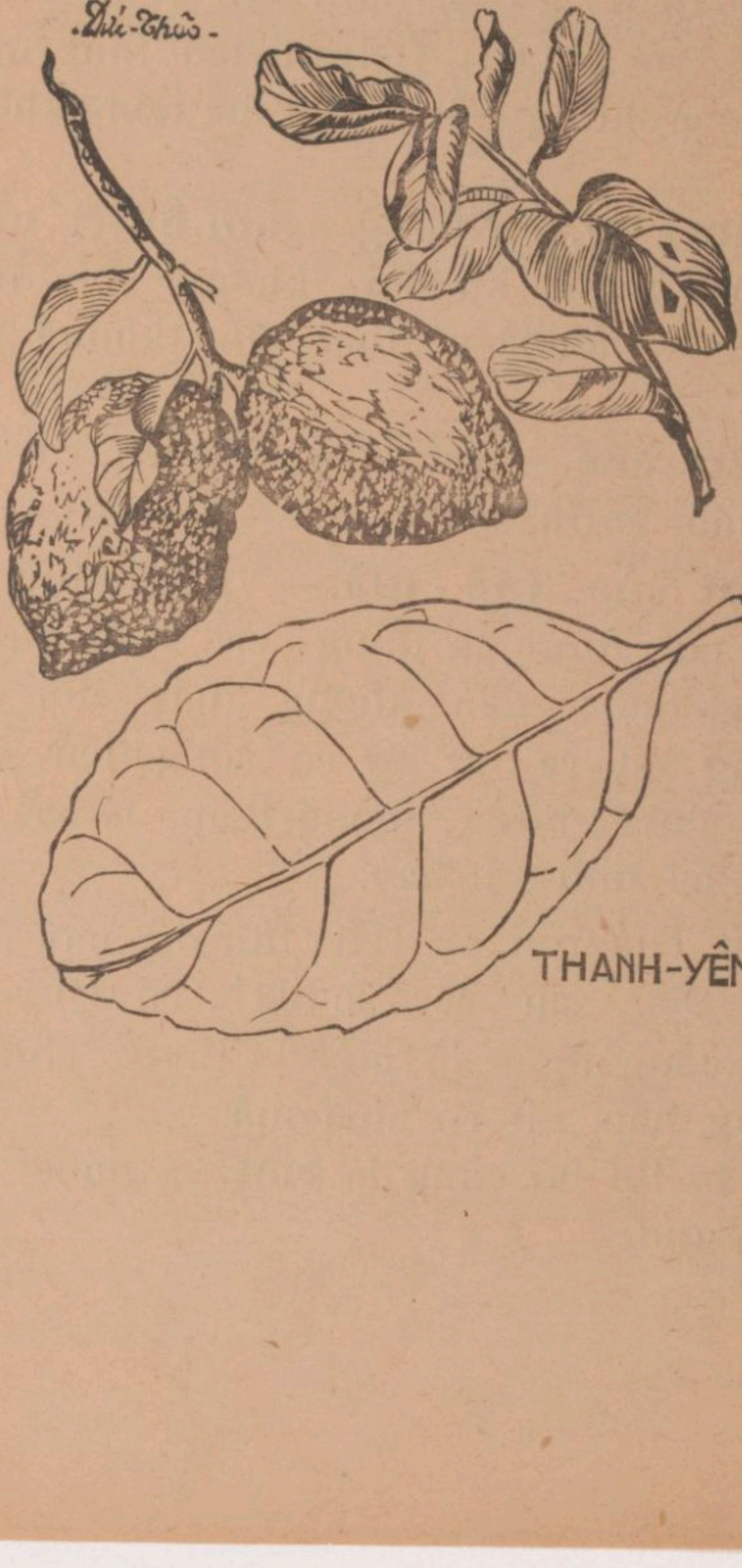

THANH-YÊN

Thanh yên

THANH DUYÊN 青 椽

Citrus médica. L. Cédratier.

Thổ-sản.— Các Thôn-quê nơi nào cũng có, ở Trung-kỳ nhiều nhà trồng.

Hình-sắc.— Thuộc về loài Mộc, cao đến 2, 3 thước Tây, cành nó mềm, ngã xuống đất, lâu ngày mọc rễ, rồi lại lên cây khác, như Phật-thủ, lá giống lá Phật-thủ, mặt trên sắc lục-láng, mặt dưới sắc trắng-lợt, xung-quanh có răng cưa mà dầy, mùi thơm-hăng. Mùa Xuân trổ hoa như hoa Bưởi; Quả tròn dài, hai đầu nhọn, da ngoài súc sỉu không được trơn, mu dầy ruột ít, sắc trắng, ăn ngọt thơm như quả Phật-thủ, mùi cũng như mùi Bưởi, nhưng nhẹ hơn.

Tính - chất.— Tinh hỏa-bình, khi mát, vị ngọt thơm, không có chất độc.

Công - dụng.— Chuyên chữa Dạ - dày, Phổi, thông-đờm, tiêu thực, trừ các chứng ho-hen, các bệnh bế tắc ; Lá và vỏ chữa các chứng mụn độc.

Hợp - dụng.— Hợp với lá khoai-môn, lá lốt chữa các chứng kim-sang ; hợp với Nga-truật, Hoàng-khương, chữa các bệnh ứ huyết ; hợp với lá mơ, lá cả-leo, chữa mụn ma-bắn ; hợp với lá Chanh, lá Tử-tô, chữa các chứng đinh-độc.

Cấm - dụng.— Những người khi hư không nên dùng nhiều.

Bào - chế.— Chữa Kim-sang dùng bằng lá tươi ; chữa ứ huyết dùng bằng vỏ cây sao vàng ; chữa các chứng đinh-độc, dùng lá tươi không phải sao gì.

Tên bệnh và phép chữa

1) **Ách-nghịch**. 呃 逆 (Nấc cật)

A) Hạt Chanh 3 đồng, Vải 7 hột, đều đốt vừa cháy, tán nhỏ, lấy nước lã nấu lên để nguội mà uống.

B) Dùng 2 lạng Trần-bì cho vào bát nước sắc lấy nửa bát, uống một lần cho hết.

C) 5 đồng Chỉ xác, 1 đồng Mộc-hương, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với nước lã.

D) Thanh-bì 2 đồng, tán nhỏ; Hành-tăm, 3 củ, cho một bát nước tiểu trẻ con vào sắc uống.

2) **Ăn rồi hay đầy Bụng.**

Dùng một cân Thanh - bi chia làm 4 phần : một phần tẩm nước Muối, một phần tẩm nước lã, một phần tẩm Dấm-thanh, một phần tẩm Rượu ; đều tẩm 3 ngày, vớt ra, bỏ nhân trắng, thái nhỏ, sao khô tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng bột uống với nước trà.

3) **Ẩu thổ** 嘔吐 (oẹ-mửa).

A) Hoắc - hương, Hương - nhu, mỗi vị 5 đồng, Trần - bi (để cả xơ trắng sao) 2 lạng, Gừng sống 3 nhát, sắc uống khi nóng.

B) Chỉ-xác 2 nửa trái (bỏ ruột) A ngủy 6 phân, Hạnh-nhân (bỏ vỏ và đầu nhọn) 10 hột, đâm nát nhét vào trong ruột nó, ngoài lấy lụa bọc thật chặt, bỏ vào nồi nước đun sôi, chừng nửa ngày, lấy ra phơi khô, tán nhỏ, uống với nước nóng.

C) Hoặc Chân Tay quyết-lãnh, dùng 4 lạng Trần - bi, 1 lạng Sinh khương (Gừng sống) cho hai bát nước vào, sắc lấy 1 bát ngậm nuốt dần dần.

D) Hoặc vì đàm - thấp, dùng Trần-bì, Hoắc-hương mỗi vị 2 đồng, Gừng sống 3 nhát, sắc uống.

4) **Bán thân bất toại** 半身不遂
(bại nửa người)

Dùng 1 lạng Rễ Bưởi-bung (Cát-bối), 1 lạng dây Cỏ chỉ (Hoàng-chỉ-đằng, 2 lạng Rễ Trưng (Hoàng - lực), 3 lạng rễ Quit-rừng (Độc-lực), 4 lạng Châm-gưởi cây Dâu (Tang-ký-sinh). Các vị cắt nhỏ, sao vàng, cho vào bình rượu nấu kỹ. Trước phải xông những chỗ tê bại, sau sẽ đem rượu uống mỗi lần một chén, mỗi ngày 3 lần.

5) **Bôn-đồn khí thống** 奔豚氣痛
(Đau Bụng có khi ở dưới chạy lên trên)

Dùng Chỉ - thực tán nhỏ, uống mỗi lần 3 đồng.

6) **Bội - thực** (ăn quá no)

Lấy 3 múi Chanh, mỗi múi bỏ vào một điếu thuốc Lào (đừng dùng nhiều quá mà say) rồi nuốt cả 3 múi Chanh đó một lúc thì thổ ra, khỏi liền (thuốc mường).

7) Bụng đau

A) Bụng đau hơi đầy, lấy vỏ quả Chanh, Cám gạo-nếp và hạt Cau (Binh-lang) mỗi thứ 2 đồng sắc uống.

B) Bụng đau mà mửa và ỉa, lấy lá Chanh, vỏ Bưởi-đào, (sao), sắc xong, cho tý dầu Bạc-hà vào uống.

8) Bụng đầy

Dùng 4 lạng Chỉ-xác (bỏ múi) chia làm 3 phần : 1 phần sao với 1 lạng Thương-truật, 1 phần sao với 1 lạng La-bặc-tử, 1 phần sao với 1 lạng Toàn-yết, 1 phần sao với 1 lạng Hồi-hương, đoạn nhặt riêng 4 vị kia ra, chỉ lấy Chỉ xác tán nhỏ, lại lấy 4 vị kia sắc lấy nước nấu hồ mà viên bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 50 viên, sau khi ăn cơm.

9) Bụng đau kinh niên

A) Lấy lá Chanh cho nhiều, rửa sạch đổ 3 bát nước sắc lấy 1 bát, tán Men rượu pha vào độ 2 đồng tiền xúc mà uống với nước thuốc.

B) Lấy quả Chạnh nhét muối vào, rồi bọc giấy nam cho dày, lại nắm đất ở ngoài, đem nung đỏ, rồi lấy nguyên quả Chanh mà ăn, ăn nhiều lần là khỏi.

10) Bụng lớn da vàng

Vì đàm thấp, ăn uống không tiêu, ngày thường sốt rét, bụng ỏng da vàng, dùng 3 lạng rễ Độc lực, 3 lạng rễ Hoàng lực, 3 lạng rễ Bạch lực (cây Lẳn tăn) các vị cắt nhỏ tẩm rượu sao vàng, tán nhỏ, lấy nước Gừng hòa với cơm, hoàn bằng ngón Tay nhỏ, mỗi lần uống 5 hoàn, mỗi ngày 2 lần, lấy rượu làm thang.

11) Cảm mạo 感冒

Dùng 1 nắm lá Quit hôi, 1 nắm lá Chanh, 1 nắm lá Bưởi, 1 nắm lá Tử-tô, 1 nhúm Hành-tăm, 6 nhát Gừng sống, cho năm bát nước vào sắc cạn 1 nửa, đương khi nước còn sôi, lấy lá chuối bit kín mà xông, cho ra mồ hôi, rồi uống 1 bát thuốc ấy là khỏi.

12) Cai Nha-phiến

Trần-bi (lâu năm) 1 lạng, thái nhỏ, Gừng già 1 lạng, đâm nhỏ, đổ cả vào siêu, cho 2 bát nước vào sắc còn 1 bát, lọc cho trong, khi thuốc còn nóng, lấy chút dấm-thanh đổ vào. Người nghiện lâu, thì bỏ vào 1 đồng Nha-phiến, người mới nghiện thì độ 6, 7 phân, hễ gần tối thì uống một chén, qua ngày mai uống 8 phân, ngày mốt 7 phân, cứ vậy mà bớt xuống lần lần.

13) Cam tẩu-mã

Lấy lá non cây Cam-rượu (Bưởi bung) vò nát nhét vào, một hai lần là khỏi,

14) Có thai đau bụng

Dùng Chỉ-xác 3 lạng (sao Cám) Hoàng-cầm 1 lạng, 2 vị tán nhỏ, mỗi lần dùng 5 đồng, cho 1 bát rưỡi nước vào, sắc lấy nửa bát mà uống.

15) Có thai thèm chua

Thường thường ăn Bưởi thì đỡ được nhiều.

16) Cổ - họng sưng - đau

Lấy một quả Chanh, đem dùi ra 1 lỗ, cho 1 đồng Bằng-sa vào, rồi nướng cho chín, lấy vải bọc lại, vắt lấy nước Chanh ấy nhỏ vào cổ-họng, dần dần là khỏi.

17) Cước khí 脚氣

A) Chữa cước-khi xông lên Quả-tim, dùng Trần-bì 1 cân, hòa với 5 lạng Hạnh-nhân (bỏ vỏ và đầu) ngào qua, dã với mật mà viên bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 30 viên với nước Cơm.

B) Dùng Chỉ - xác (sao) 2 lạng, Cam-thảo 5 đồng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước thang Mộc-qua.

18) Chân tê - mỏi

Dùng 1 nắm rễ cây Chanh (lấy về phương Đông) dầm rượu, 1 nắm đậu đen (sao vàng) cho nước vào sắc đặc, sau khi ăn cơm rồi thi uống 1 chén.

19) Da Bụng dày

Lấy Trần bì lâu năm và lá Tre sắc uống nhiều lần thi Da mỏng được.

20) **Dạ - dày sưng**

Bệnh sưng dạ-dày sinh ra nôn nao khó chịu, dùng quả - Chanh nặn cho hết nước chua, rồi hòa với Muối với Mật nấu lên cho thành cao mà ăn vài ba lần sẽ khỏi.

21) **Đại - tiện - bí** 大便秘

Lấy 1 chén dầu Lạc lọc kỹ, vắt nước một quả Cam vào, lại lọc lần nữa rồi uống, thi đại-tiện nhuận mà thông lợi.

22) **Đại - trường bế tắc**

Dùng Trần-bì (để xơ) nấu với Rượu, sao khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm.

23) **Đau đầu rắn** (nhức mé)

Sưng đầu ngón Tay, nhức nhối, khó chịu, có khi rớt cả lóng, dùng Hồng-hoàng 1 đồng, tán nhỏ, đem 1 quả Chanh cắt làm hai, khoét bớt ruột, nhét bột Hồng-hoàng vào trong, rồi đem quả Chanh lúi vào tro nóng, cho sôi lên. Liền khi ấy lấy ra bịt vào đầu ngón Tay đau vài lần là khỏi.

24) **Đầu đau** 頭 痛 (dầu thống)

Dùng 3 nắm lá Bưởi, 2 nắm lá Cam-sành, 1 nắm lá Ngải-cứu, các vị thái nhỏ nấu lên, trước đem nước thuốc còn sôi, xông cho ra Mồ - hôi, sau còn âm - ấm, lấy một bát uống, ngoài lấy một nắm lá Bưởi, 1 nắm Hành-tăm, dã nhỏ, buộc vào 2 huyệt Thái dương ngày hai lần.

B) Lấy lá Chanh đâm ra mà dịt ở hai huyệt Thái-dương.

25) **Đầu phong** 頭 風.

Dùng lá Bưởi dã với Hành - tăm dặt vào huyệt Thái dương.

26) **Đầy - hơi** (khi-trưởng)

Dùng 3 đồng Trần-bi sắc lấy nước uống khi nóng,

27) **Đầy tức ở Ngực**

Ngực đầy-tức, đè vào thấy mềm, không đau, dùng Cau-rừng (Binh-lang) Chỉ-thực 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, lấy cây Seo-gà (Phượng-vĩ-thảo) sắc làm thang, uống khi nóng.

28) Đinh - độc 疔 毒

Dùng 1 nắm lá Chanh, 1 nắm lá Thanh-yên, 1 nắm lá Lốt, 1 nắm lá Tử-tô các vị đâm nhỏ, lấy lá Chuối - non đùm lại, châm nhiều lỗ kim, dặt vào chỗ có đinh. Lại dùng vỏ cây Chanh (lấy vỏ lụa) đâm nhỏ ấp vào trên, đoạn lấy thuốc trên mà buộc vào một tầng nữa, thành 3 lần thuốc, cứ thay đổi vài lần sẽ khỏi.

29) Đinh râu (đinh mọc ở môi)

Lấy quả Chanh cả nước lẫn hạt nhai nuốt nước, còn bã dặt vào chỗ đinh.

30) Đẻ khó

A) Lấy quả Cam non đốt tồn-tính, tán nhỏ, uống với rượu.

B) Vi huyết khô khó đẻ, dùng 3, 4 quả Cam đường, ép lấy nước, hoặc lấy múi phơi khô, đốt ra than hòa vào một chén mật ong và một ít rượu mà uống, sẽ đẻ ngay.

31) Đẻ ruột ra.

Dùng Chỉ-xác thái nhỏ, đâm cho nhuyễn, rạt vào chỗ ruột ra ấy, nó sẽ rụt vào dần dần, hoặc sắc lấy nước mà xông cũng kiến hiệu.

32) Đờm nhiều ủng-tắc

Trần-bi, Cam-thảo 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, cho vào một it Phèn-phi, hòa với hồ hoàn bằng hạt Đậu-đen, mỗi lần dùng một hoàn mà ngậm, hoặc dùng nước Gừng làm thang.

33) Hao-Hống 哮吼 (nực hen)

A) Dùng 1 quả Bưởi-đào non, lấy dao khoét 1 lỗ bỏ ruột rồi đổ men rượu vào cho đầy; đoạn bịt kin lỗ khoét ấy lại, ngoài thi dùng đất bọc lại, phơi khô, bỏ vào than mã đốt cho vừa cháy, đoạn bỏ đất, lấy Bưởi, tán nhỏ, hòa với nước Gừng, mật-ong mà ngậm, mỗi lần ngậm 1 chén nhỏ, một ngày 2 lần, sau khi ăn cơm.

B) Lấy rê Châm - gưởi cây Chanh sao vàng sắc lấy nước uống.

C) Nước Chanh, nước Gừng sống. nước Tiểu, Sữa, mỗi vị đều 1 chén, hòa lẫn nhau, hâm nóng mà uống,

34) **Ho gió.**

Lấy một nắm lá Chanh rụng phơi khô, rửa sạch, sao vàng, sắc uống khi nóng.

35) **Ho kinh-niên**

A) Dùng Trần - bi, Thần - khúc, Sinh. khương (Gừng sống) 3 vị bằng nhau, sao khô, tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 30 viên sau khi ăn cơm.

B) Dùng 3 lạng Nụ hoa-Cam phơi khô, cho Mật ong vào mà nấu lấy độ một bát, rồi ngậm dần dần.

C) Dùng hạt Chanh, hạt Mướp - đắng 2 vị bằng nhau, tẩm nước tiểu trẻ - con một đêm, sao khô, tán nhỏ, mỗi ngày uống 3 lần với nước lá Bạc-hà, mỗi lần 3 phân.

36) **Ho nhiều đờm**

Lấy Đường-phèn nhồi với múi Chanh rồi nướng Chanh cho chin vắt lấy nước mà uống.

37) **Hoắc loạn** 霍亂
(Trên mửa dưới ỉa)

Dùng Trần-bì (bỏ xơ) Hoắc hương đều 5 đồng, đổ 2 bát nước, sắc lấy 1 bát, uống khi nóng

38) **Hóc - xương**

A) Sắc nước Trần - bì ngậm nuốt dần dần thì tự nhiên xương xuống.

B) Bất kỳ hóc xương gì, dùng một cái vỏ Cam-sành mài vào bát dấm - thanh, lại mài thêm một ít Ngà-voi và đá Nam-châm vào, cho người bị hóc xương uống vài lần thì xương ra ngay.

39) **Họng đau như dùi đâm**

Trần-bì, Chỉ-xác, 2 vị bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng dùng Hành-tăm làm thang, ngậm nuốt dần dần.

40) **Hung - cách đầy tức**

A) Chỉ-thực (sao) Hậu-phác (tẩm nước Gừng sao) mỗi vị 2 đồng, rễ Hẹ 1 đồng, sắc uống lúc còn ấm.

B) Trần-bì (bỏ xơ) Chỉ xác, Chỉ-thực, Thanh - bì đều sao qua, các vị bằng nhau sắc uống, rất hay.

41) **Kinh - phong** 驚 風

Dùng Chỉ-xác (bỏ múi sao cám) Đảm-đậu-kỹ, 2 vị cân nhau tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng. Cấp-kinh dùng nước Bạc-hà mà uống. Mạn-kinh dùng nước Kinh-giới gia 5, 3 giọt rượu vào mà uống.

42) **Khát nước**

Trong khi chưa có thuốc ăn quả Cam thì đỡ ngay.

43) **Liêm sang** 臁 瘡 (lở trái chân)

Chứng Liêm-sang là thấp-độc dồn xuống 2 trái chân, sưng đau nhức nhối, đi đứng khó khăn, có khi sinh lở - láy, dây - dưa đến 1, 2 năm không khỏi.

Trước dùng nước nóng rửa sạch, rồi rửa lại bằng nước Chanh, kế đó dùng Than tán mạt rây nhỏ, rắc vào chỗ vết-lở, vài lần là khỏi hẳn, rất hay.

44) Lở kẹt chân

Dùng hạt Chanh đốt thành tro rắc vào chỗ lở.

45) Lở - láy

Dùng hạt Chanh, hạt Nhãn, đều đốt tồn tính, hòa với dầu Vừng (mè) mà bôi, vài ba lần sẽ khỏi.

46) Lưng đau

A) Lấy vỏ Bưởi đào và lá Ngải-cứu sắc uống khi nóng.

B) Dùng một nắm hạt Chanh sao vàng tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, uống lúc đói, lấy rượu làm thang.

47 Lưỡi tưa nứt

Lấy lá Cam đốt ra than, tán nhỏ hòa với Mật-ong mà bôi vào.

48) Lỵ 痢

Dùng Chỉ-xác (sao) 2 lạng 4 đồng, Cam-thảo 6 lạng, tán nhỏ, mỗi lần dùng nước nóng, uống 2 đồng.

49) Lỵ trắng hay đỏ

Trần-bì 2 đồng, lá cây Chè tàu một nắm, Gừng sống 2 đồng, Muối 1 đồng, sắc uống, bất kỳ lỵ trắng hay đỏ đều uống khỏi.

50) Lỵ lâu ngày.

Lỵ lâu ngày ăn uống không được, dùng Chỉ thực (bỏ ruột) sao tán nhỏ, uống mỗi lần 2, 3 đồng, uống lúc đói, lấy nước Cơm làm thang.

51) Lỵ thoát-giang.

Dùng 1 quả Chỉ-xác, cắt đôi mài chỗ bằng, đem nướng cho nóng, ép vào chỗ Giang-môn cứ thay đổi luôn, bao giờ giang-môn run lại thì thôi.

52) Mắt đau có màng

Dùng 1 chén nước Chanh, nửa chén Mật-ong, 3 phân Băng-phiến, 3 vị cho vào

trong ống tre non đốt cho nóng, rồi lấy nước trong ống tre mà điểm vào Con mắt mỗi ngày 3 lần, thuốc này điểm vào nhức-nhối, khó chịu, nhưng chóng khỏi. (cốt phải làm cho tinh khiết mới công-hiệu).

53) **Mộng tinh** 夢精

Dùng 3 đồng lá Quit, 1 lẻ Gạo tẻ, một nắm đốt Tre, cả 3 vị sao vàng, sắc uống.

54) **Môi khô nứt.**

Lấy 1 miếng Thành-bi đốt cháy, tán nhỏ, hòa với mỡ heo mà xức, và lấy một đồng bột thuốc này hòa rượu mà uống.

55) **Mụn trứng cá.**

A) Ngoài Da nổi những mụn nhỏ lăn-tăn, phát ngứa, dùng Chỉ xác (sao với Cám) tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, đổ nước vào, bỏ bã lấy nước ấy mà rửa.

B) Dùng hạt Chanh tươi nghiền lấy nước mà đồ hay dùng hạt Cam cũng được.

56) **Mụn bọc**

(Mụn mềm không vỡ mủ)

Lấy một nửa quả Chỉ xác lớn bỏ ruột, mài miệng vào trên miếng đá cho bằng, lấy hồ trét vào chung quanh cái miệng Chỉ-xác đã mài, rồi ấp lên chỗ mụn ấy, sẽ phá mủ ra, (một lối giác giản-dị).

57) **Mụn Mạch-lươn**

Đầu Trẻ con có mụn đã vỡ rồi, có 2, 3 lỗ cứ chảy mủ và nước vàng ra, lâu ngày không khỏi. Lấy 1 quả Chanh đốt ra than, tán nhỏ, rây kỹ hòa với Dầu-vừng (mè) mà bôi.

58) **Mụn vú.**

A) Bất cứ chưa thành mủ hay đã thành mủ, dùng Trần-bì tẩm nước nóng bỏ xơ, phơi khô, sao Cám hơi vàng, tán nhỏ mỗi lần uống một đồng, gia chút Xạ-hượng hòa với rượu mà uống.

B) Thanh-bì 4 đồng, cho vào bát rưỡi nước, sắc lấy 1 bát, uống dần dần.

61) **Ngộ độc**

Lấy hạt Chanh dã nhỏ hòa với nước cho uống, thi giải độc ngay.

60) **Ngược mẫu** 瘧母

(sốt rét lâu ngày trong Bụng thành cục).

Dùng Thanh - bi, Sâm, Biệc - giáp (vỏ Tranh) nướng vàng, các vị đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước Cơm, dần dần cục tich tiêu hết.

61) **Phiên vị** 反胃 (lộn mề)

Dùng Trần-bi (sao đất vách) tán nhỏ, thành bột, mỗi lần dùng 3 nhát Gừng, 1 quả Táo, cho 2 bát nước vào sắc lấy 1 bát, đoạn lấy nước ấy uống với bột Trần-bi 2 đồng.

B) Binh-lang 1 lạng, Trần-bi sao 3 đồng, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, uống với mật lúc đói.

62) **Phong nhức.**

Trong minh bị phong hay nhức-mỏi, dùng 1 mớ lá Chanh dâm nhỏ cho thêm

Dầu-dừa xảo cho nóng, rồi lấy vải bọc lại đánh (dát) vảo các chỗ nhức mỏi,

63) **Phong thũng**

A) Bị phong mà minh-mẩy sưng-cảy, dùng 1 nắm lá Chanh, 1 củ Gừng sống, một nắm lá Quit, 5 tóp Hành-tăm, một ít Men-rượu, tán nhỏ, nấu lấy nước đặc mà phết những chỗ sưng.

B) Dùng 1 mớ rễ Cau, 1 mớ vỏ Bưởi, 1 miếng mo năng-tre, đem nấu sôi, xông hơi, còn nước đem tắm.

64) **Phù thũng** 浮 腫

Vỏ Bưởi-đảo, Ích-mẫu 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu ngon, khi đói.

65) **Rắn cắn**

Lấy 3 nắm lá Bưởi-bung, cho vảo 2 bát nước mà nấu, lấy độ một chén mà uống, ngày uống 3 lần, ngoài lấy bã thuốc mà dịt vảo chỗ bị cắn.

66) **Răng đau**

Dùng Chỉ - xác ngâm rượu ngậm súc luôn luôn.

67) **Say rượu**

A) Lấy vỏ Cam sắc nước lẫn một it muối mà uống.

B) Ăn vài múi Bưởi thi giã được ngay.

68) **Sản - hậu đau bụng**

Trầu - bi sao qua, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, lấy 3 củ Hành-tăm sắc lấy nước, cho thêm it nước Tiểu Trẻ con mà uống,

69) **Sản-hậu khí nghịch**

Dùng Thanh - bi tán nhỏ, Song - bạch (Hành tăm) dã nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, hòa với nước Tiểu Trẻ-con mà uống.

70 **Sản-hậu phù-thũng**

產后浮腫

A) Dùng 3 lạng rễ Bưởi - bung, 5 lạng vỏ Bưởi - đào, 1 lạng lá Vằng nước mặn, 3 vị thái nhỏ sao hạ - thổ, cho vào 4 bát

nước mà nấu cho kỹ, lấy độ một bát, chia làm 3 phần. Sớm mai uống 1 phần, trưa và tối lại uống cho hết 2 phần kia, uống thuốc nầy minh khỏe, ăn tiêu, tinh-thần thanh-sảng, cứ dùng làm chè uống thường sau khi đẻ rất tốt.

B) 1 lạng vỏ Thanh-yên (bỏ vỏ ngoài lấy vỏ lụa), 1 lạng Ngải-xanh (Nga-truật) để sống, bỏ vỏ, 2 vị tán nhỏ, uống mỗi lần 1 thìa, mỗi ngày 3 lần, lấy rượu làm thang.

C) Vỏ Bưởi đào, hột Ích-mẫu 2 vị bằng nhau, sắc uống; nếu có đau Bụng, thì thêm một ít rễ cây Mền-tưới (Trạch lan) vào.

71) **Sản-hậu sưng Vú**

A) Dùng 1 lạng Trần-bì, 1 đồng Cam-thảo sắc uống.

B) Lấy vỏ Cam sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng.

72) **Sản hậu tiện bế**
產后便閉

Trần-bì (bỏ xơ trắng) sao, tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng lúc đói, lấy rượu làm thang.

73) **Sán - khí**

Dùng hạt Quít 5 đồng sắc với rượu mà uống.

74) **Sâu - quảng**

Lấy lá Chanh, lá Dâu, lá Tầm - xuân, hạt Thảo-quả, các vị lá thái nhỏ ra, Hạt Thảo-quả, tán nhỏ, chộn lẫn với nhau, đặt vào chỗ đau, rồi lấy vải buộc lại cho chặt.

75) **Sâu răng**

Dùng lá Chanh sắc đặc ngậm với muối vài ba lần thi đỡ đau.

76) **Sốt - rét** (Cơn úi ngã nước)

A) Dùng lá Chanh dã nhỏ vắt lấy nước một chén, rồi pha vào một nửa rượu, đem phơi sương một đêm, sáng mai đương khi đói cho uống, mửa ra hết cả nước vàng là khỏi.

B) Vì Tỳ hàn mà sốt rét, dùng Trần-bì (bỏ xơ trắng) dã Gừng sống lấy nước ngâm qua, đoạn cho vào trong cái bình sành hay bình bạc, nấu cách thủy, vớt ra rang khô, tán nhỏ, lại lấy 10 quả Táo (bỏ hột) cho 1 bát nước vào, sắc lấy nửa bát trước khi lên cơn đem bột Trần-bì 3 đồng uống với nước Táo.

77) **Suyễn** 喘

Chỉ-xác, Binh-lang, Trầm-hương, Ô-dược, các vị tán nhỏ, sắc lấy nước bỏ bã, lại sắc lần nữa cho đặc mà uống lúc đói.

78) **Tả** 瀉

Tả mà chân tay rá-lạnh. Cạo vỏ cây Chanh và hoa Cúc-áo, dã nhỏ gia rượu vào mà bóp (chườm).

79) **Tai chảy mủ**

A) Lấy 7 đọt lá Cam-non, chế ít nước vào dã nhuyễn vắt lấy nước, giỏ vào Tai là khỏi.

B) Thanh bì sao tán nhỏ, bọc vải lụa nhét vào Lỗ-tai, ngày 1 lần.

81) **Tai chảy nước**

Dùng Trầu-bì đốt cháy, tán nhỏ 1 đồng gia vào 1 chút Xạ-hương, cứ ngày rắc vào là khô hết.

81) **Tia sữa**

Lấy vỏ Bưởi đốt ra than, xoa vào lỗ đit nó, lại lấy yếm cũ xoa lên lưỡi là tróc hết.

82) **Tích báng**

A) Chỉ-xác 5 đồng, lá Bứa 1 lạng, Cam-thảo 1 cân, tán nhỏ, luyện với hồ, viên bằng hột Ngô, lấy lá cây Cơm-xôi sắc làm thang.

B) The Bưởi-đào, rễ cây Trưng (Hoàng-lục), vỏ cây Bùi (nam mộc-hương) ba thứ bằng nhau, tán bột, trước ăn cơm uống mỗi lần 5 phân.

83) **Tích tụ** 積聚

Chữa bệnh tích-tụ thuộc về khí, dùng Chỉ-xác 3 cân (bỏ mùi) mỗi quả cho vào

1 bát Bã-đậu buộc chặt, đổ nước nóng vào, nấu chừng một ngày, nước cạn thi thêm nước nóng vào, nấu xong, bỏ Ba-đậu, chỉ lấy Chỉ-xác phơi khô, thái mỏng, tán nhỏ, dùng dấm nấu hồ viên bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 34 viên.

84) **Tiểu - tiện bí**
小 便 秘

A) Dùng nước Cam hòa với đường mà uống.

B) Lấy lá Chanh non dã với it Muối rồi dịt vào đầu âm khi.

Thương hàn hung-thống 傷寒胸痛
Dùng Chỉ - thực sao Cám, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm.

85) **Toét mắt**

Lấy quả Chanh sẻ ra làm đôi để vào Mâm-thau, rồi úp Mâm xuống gầm giường 5 ngày, đem cạo lấy rỉ-xanh ấy, tán nhỏ bôi vào mỵ Mắt, đừng cho vào trong Mắt.

86)**Tự-nhiên ăn nghẹn**

Dùng 1 lạng Trần - bi, tẩm nước sao khô, tán nhỏ, cho vào 1 bát to nước sắc lấy một nửa uống khi đói.

87) **Tự-nhiên mất tiếng**

Dùng 5 đồng Trần-bi sắc nước ngậm nuốt dần dần.

88) **Trẻ-con bí đại-tiện**

A) Lấy một quả Chanh bóc vỏ vắt lấy nước, rồi gia vào nửa chén mật-mía mà uống.

B) Dùng Chỉ-xác (bỏ xơ) Cam-thảo đều 1 đồng, cho nước vào sắc uống.

89) **Trẻ-con ho gà**

Lấy quả Kim-quất, bỏ vỏ, hột, vắt lấy nước, rồi cho vào 1 it đường phèn, hấp cách-thủy mà uống.

90) **Trẻ-con ho gió**

Lấy Châm - gưởi cây Chanh sao vàng, hạ thổ, cho 3 nhát Gừng sống vào sắc đặc mà uống.

91) Trẻ con lở chảy nước vàng

Chỉ-thực sao tồn-tinh, tán mạt, hòa với mỡ lợn mà bôi.

92) Trẻ-con thối tai

Dùng 7 đọt Cam giả, cho it nước lạnh vào dã nhỏ, lóng cho trong, lấy độ 1 chén, đem nhỏ vào Tai dần dần, một ngày 3, 4 lần.

93 Trĩ 痔

A) Dùng quả Chanh héo (để cách năm) đốt vào trong lò hứng khói mà xông.

B) Dùng quả Chỉ xác nướng nóng ép vào 7 lần là khỏi.

C) Chỉ-xác tán nhỏ, cho vào trong binh, sắc sôi trăm lần, trước xông sau rửa.

D) Mậm non cây Cam 100 cái, tán nhỏ, luyện mật viên bằng hột Ngô, mỗi lần uống, bệnh nhẹ thi 3 đồng, nặng thi 5 đồng, dùng hoa-Hoè sắc làm thang, uống 1 lần là khỏi (phải kiêng phòng-sự 100 ngày).

E) Dùng 3 đồng rẻt sắt cho nước Chanh vào nấu kỹ, lấy độ nửa chén, rồi hòa nửa chén dầu vừng. Trước phải rửa nước nóng cho sạch, rồi mới đem thuốc xoa, khi mới xoa thuốc thi đau-đớn, khó chịu, nhưng dần dần sẽ khỏi.

94) **Trúng - phong** 中 風

A) Đau khắp minh - mẩy, chân-tay co rút và lưng cúi xuống không được, lấy vỏ Bưởi-đào đốt cho cháy, lá Ngải cứu (tươi hoặc khô) 2 vị bằng nhau, sắc lên cho uống ; khi thấy khỏi thi thôi.

B) Vỏ cây Quit một cân cắt nhỏ, rượu 2 cân, đem dầm một đêm, mỗi lần uống 1 chén.

95) **Trúng thực** 中 食

Dùng 2 đồng vỏ Quit lâu năm, 2 đồng chè lâu năm, 2 bát Gừng sống, đổ một bát rưỡi nước, sắc còn một bát, chia làm 2 lần uống.

96) **Trường-phong hạ huyết**
腸 風 下 血

A) Chỉ-thực 2 lạng, Vị-bi (nang Nhin) Tóc-rối (Huyết-dư) Hoè-hoa, mỗi vị 1 lạng. Các vị sao cháy, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, sắc nước Bạch-mao-căn làm thang.

B) Chỉ xác (đốt chưa cháy hẳn) 5 đồng, xương chân Dê đốt cháy 3 đồng, 2 vị tán nhỏ, sáng sớm lấy nước Cơm uống mỗi lần 1 đồng, cứ nửa giờ, uống một lần.

97) **Ứ huyết** 瘀 血

Vỏ cây Thanh-yên cắt thành phiến, sao, Nghệ-xanh (Nga truật) để sống, 2 vị đều dùng 3 lạng, tán ra bột hòa với rượu chia ra uống 2 lần là khỏi.

98) **Vết bị thương**

(bị gươm dao hay dáo mác đâm chém phải có vết thương).

A) Lấy lá Thanh-yên, Khoai-môn non, hai vị bằng nhau và nửa phần lá Lốt, đem cắt nhỏ, rồi lấy lá chuối Thanh-tiêu bọc

lại, châm các lỗ nhỏ mà dặt vào, cứ mỗi ngày phải rửa sạch rồi dặt 3 lần.

99) **Xốn ruột**

A) Ruột xốn mửa ra nước, dùng Trần-bi (bỏ xơ trắng) tán nhỏ, cứ đến canh 2 lấy 5 phân bột thuốc bỏ vào lòng bàn Tay người bệnh, bảo liếm nuốt đi rồi ngủ, làm như thế 3 đêm thì khỏi.

B) Binh-lang, Trần-bi (bỏ xơ trắng) mỗi vị 5 đồng, Gừng sống 3 nhát sắc uống, làm 2 lần cách nhau 1 giờ.

100) **Yết-hầu** 咽 喉

A) Lấy rễ cây Thanh-yên dã với nước lã lóng trong mà uống.

B) Lấy rễ cây Quất phơi khô, tán nhỏ ra bột, mà ngậm một chốc rồi nuốt xuống dần dần.

Giải nghĩa chữ Nho

A

1) Ác sang : Sang độc ghê gớm.
2) Ách nghịch : X. Q 1
3) Âm khí : X. Q 3
4) Ẩu nghịch : X. Q. 1
5) Ẩu thổ : X. Q. 3

B

6) Bạch-thốn ; Sán xơ-mít
7) Bán thân bất toại : X. Q. 2
8) Bôn đồn : X. Q. 2
9) Bội thực ; ăn no quá.

C

10) Cách thủy : X. Q. 1
11) Cảm-mạo : X. Q. 1
12) Cổ trướng : Bụng trướng như cái trống
13) Cước khí : X. Q. 1

D

14) Đãng địch : Rửa sạch trong Trường-Vị.
15) Đầu-phong ; Cảm gió mà đau đầu.
16) Đinh-độc : Độc của mụn đinh.
17) Đồi-sán : Bệnh sán mà hòn dái cứng như đá.

18) Động-kinh : Tức bệnh Kinh-phong.
19) Đơn-độc : X. Q. 1
20) Đường-tiết : Đi ỉa lỏng.

H

21) Hạ-đàm : Đem đờm đi xuống.
22) Hạ-huyết : X. Q. 1
23) Hạ-thổ : Sao rồi bỏ xuống đất.
24) Hao-hống : Bệnh nực (hen)
25) Hàn-thấp : X. Q. 3.
26) Hoắc-loạn : X. Q. 1.
27) Hung-cách : X. Q. 2.
28) Hung-tý : Đau Ngực.
29) Huyết-tích : X. Q. 2
30) Huyết-tích, Trường-bạ : Đều là bệnh tích.
31) Hư nhiệt : Bệnh nóng thuộc hư.

K

32) Kim-sang : Bị thương bởi đồ kim khí.
33) Kinh-niên : Lâu năm.
34) Kinh-phong : Bệnh kinh.
35) Kiết : X. Q. 1
36) Kiết-hung : Bệnh khí kết ở chỗ Ngực.
37) Khai-Vị kiện-Tỳ : Làm cho mạnh Tỳ Vị.
38) Khí phận : Chỗ có khí chạy đến.

L

39) Lâm : X Q. 2.

40) Ly : Tên bệnh.

41) Lý cấp hậu trọng : Ở trong bụng hình như cấp-bức, khi ra đi thì nặng-nề khó-khăn

42) Liên-sang : Lở ở trái chân.

43) Mộng-tinh : X. Q. 3.

N

44) Nhiệt-độc : X. Q. 1

45) Nhiệt-uất : Khí nóng uất lại.

46) Ngộ-độc : Ngộ ăn lầm phải chất độc gì.

47) Ngược-mẫu : Bệnh con giai có cục trong bụng

P

48) Phiên-vị : X. Q. 1.

49) Phong-chẩn : Bệnh sưởi thuộc phong.

50) Phong-sang : Bệnh sang thuộc phong.

51) Phong-thấp : X. Q. 2.

52) Phong-thũng : Bệnh thũng thuộc phong.

53) Phòng-sự : Sự tình-dục.

54) Phù-thũng ; Bệnh sưng phù.

S

55) Sa-lâm : X. Q. 1
56) Sang-độc : X. Q. 2.
57) Sán-khí : X. Q. 1.
58) Sán-thống : Đau bệnh sán.
59) Sản-hậu : Sau khi đẻ.
60) Sinh-tố : Chất sinh-tố, một danh-từ mới.
61) Sơ-tiết : X. Q. 2.
62) Suyễn : X. Q. 2.

T

63) Táo-kiết : X. Q. 3.
64) Tầu-mã : Bệnh cam rất nguy-hiểm.
65) Tích-tụ : X. Q. 3.
66) Tiêu khát : X. Q. 2.
67) Tồn-tính : X. Q. 3.
68) Thanh-khí : Khí trong sạch.
69) Thanh-Tỳ : Làm cho mát lá-lách.
70) Thái-dương : Tên huyệt ở hai bên màng-tang.
71) Thấp-độc : Độc-khí thuộc thấp.
72) Thất-huyết : X. Q. 3.
73) Thoát-giang : X. Q. 2.
74) Thống-phong : Bệnh phong đau nhức.
75) Thời khí : Bệnh thiên-thời.
76) Thủy-thũng : X. Q. 1.

77) Thượng-tiêu : Ở đoạn trên.
78) Thiên-trụy : Hòn dái sa xuống một bên.
79) Trấn-kinh : Làm cho kinh-khí yên-lặng.
80) Trọc-khí : Khí uế-trọc.
81) Trung-tiêu : X. Q. 3.
82) Trúng-phong : X. Q. 2.
83) Trúng-thực : Ăn phải chất độc.
84) Trường-phong : X. Q. 3.

MaiLinh tu thư c

Giáo dục tùng thư

Những thói xấu của trẻ con
Nhi đồng giáo dục

Phổ-thông tùng thư

Contes & légendes d'Annam I
Contes & légendes d'Annam II
Lều chõng
Việc làng
Thơ và tình
Muốn khoẻ
Tàn đèn dầu lạc (2 cuốn)
Bạt mưa sa
Đứa con tội ác
Những mảnh tình
Bịp đời
Đoán điềm giải mộng

Loại phụ nữ

Nhân cách phụ-nữ việt-nam hiện đại
Tâm hồn phụ nữ
Nghệ thuật làm mẹ
Thụ thai theo ý muốn

Loại trinh thám

Vết tay trên trần
Chiếc tất nhuộm bùn
Người một mắt
Kỳ-phát giết người
Nhà sư thọt
Đôi hoa tai của bà chúa
Đám cưới Kỳ-Phát (đ

MaiLinh tu thư cục

Giáo dục tùng thư

Những thói xấu của trẻ con	(sắp in)
Nhi đồng giáo dục	(sắp in)

Phổ-thông tùng thư

Contes & légendes d'Annam I	2$50
Contes & légendes d'Annam II	2. 50
Lều chõng	1. 95
Việc làng	0. 35
Thơ và tình	0. 30
Muốn khoẻ	0. 50
Tàn đèn dầu lạc (2 cuốn)	0. 70
Bạt mưa sa	0. 45
Đứa con tội ác	0. 35
Những mảnh tình	0. 48
Bịp đời	0. 35
Đoán điềm giải mộng	0. 35

Loại phụ nữ

Nhân cách phụ-nữ việt-nam hiện đại	0 . 50
Tâm hồn phụ nữ	0. 50
Nghệ thuật làm mẹ	0. 45
Thụ thai theo ý muốn	0 . 50

Loại trinh thám

Vết tay trên trần	hết
Chiếc tất nhuộm bùn	hết
Người một mắt	hết
Kỳ-phát giết người	0. 45
Nhà sư thọt	0. 45
Đôi hoa tai của bà chúa	0. 50
Đám cưới Kỳ-Phát	(đương in)

Mai-Linh tu thu cuc

Văn-học tùng thư

Văn học đời Lý	0$80
Văn học đời Trần I	2. 00
Vàn học đời Trần II	(sắp in)

Triết học tùng thư

Phê-bình nho-giáo	0. 30
Lão tử	0. 80
Mạc-tử	(sắp in)

Sử học tùng thư

Triều Tây sơn	0. 70
Bằng Quận công	1 00
Nguyễn trường Tộ	1. 20
Nước Nhật ngày nay	(đương in)

Y học tùng thư

Việt nam dược học I	0 80
Việt nam dược học II	0. 80
Việt nam dược học III	0. 80
Việt nam dược học IV	0. 80
Việt nam dược học V	(đương in)

Giáo dục tùng thư

Leçons de Japonais	3. 00
Petit guide Japonais Français Annamite	1. 20
Học tiếng Ang-lê theo lối thực hành	0. 60
Học tiếng Tầu theo lối thực hành	0. 35
Học tiếng Nhật theo lối thực hành	hết
Học tiếng Pháp theo lối thực hành	hết
Luận-ngữ cách ngôn	0. 50
Lên tám	0. 20
Bộ bài A. B. C. bằng gỗ	2. 00
Cours d'analyse grammaticale et logique	0. 60
L'art de conjuguer les verbes	0. 30
Collection P. J. S.	3. 00
Le Participe à l'aide d'exemples	0. 12
Précis d'Inst. Civique C. Sup.	0. 26
Précis d'Inst Civique C. Moyen	0. 26
Việt nam toc ký	0. 55